

Chỉ đạo nội dung:
Đại tá, Thạc sỹ Bùi Khắc Thọ

Biên tập:
Thiếu tá, Thạc sỹ Phí Văn Thành

Thực hiện:
Thiếu tá QNCCN, Cử nhân Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:
Thượng úy, Kỹ sư Nguyễn Văn Nam

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về, Thư viện Quân đội biên soạn “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 2 - 2026 dạng điện tử phục vụ trên các website của Thư viện Quân đội.

Thư mục gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế – Hà Nội

Điện thoại: 069.554556

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp

Thuvienquandoi@gmail.com

Website: Thuvienquandoi.vn

Tvqd.bqp

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 – KHOA HỌC MÁY TÍNH, THÔNG TIN VÀ TÁC PHẨM TỔNG QUÁT

001. *Counterfact*: Fake news and misinformation in the digital information age/ *Andrew Weiss*. - Lanham: Rowman Littlefield, 2024. - 271tr.; 24cm.

070.43

C435/AV.0013568

002. *Deep learning - Cuộc cách mạng học sâu*/ *Terrence J. Sejnowski*; *Huỳnh Hữu Tài dịch*. - In lần 4. - H.: Công thương, 2025. - 412tr.; 24cm.

006.31

D201L/M.0188619 - M.0188620;

MP.0043822

003. *DeepSeek - Hướng dẫn sử dụng toàn diện*: Ứng dụng thực tiễn trong mọi lĩnh vực nghề nghiệp/ *Đỗ Vũ, Trương Tư Minh, Trần Bác*. - H.: Khoa học và kỹ thuật, 2025. - 416tr.; 24cm.

006.3

D201H/M.0188981 - M.0188982;

VV.0022543 - VV.0022544

004. *Giới thiệu các tổ chức và diễn đàn trên thế giới*/ *Nguyễn Hoàng An, Đỗ Ngọc Sơn*. - H.: Công thương, 2024. - 952tr.; 24cm.

060

Gi-462T/M.0189067 - M.0189068; VV.0022567 -

VV.0022568

005. *Lạc vào cõi sách*/ *Lê Huy Hòa*. - H.: Thế giới, 2025. - 299tr.; 24cm.

002

L101V/M.0188404

006. *Mặt trái của AI*: Nghệ thuật nguy trang bằng ngôn từ/ *Justin Hutchens*; *Trần Hữu Hải dịch*. - H.: Khoa học công nghệ truyền thông, 2025. - 351tr.; 24cm.

006.3 M118T/M.0188979 - M.0188980;
MP.0043974; VV.0022541 - VV.0022542

007. Sam Altman - Người kiến tạo cuộc chơi AI toàn cầu/ Chu Hằng Tinh; Linh Chi dịch. - H.: Công Thương, 2025. - 400tr.; 24cm

006.3 S104A/M.0189417 - M.0189418;
VV.0022698 - VV.0022699

008. Sử dụng hiệu quả Deepseek: Tối ưu năng suất một cách thông minh, hiệu quả và sáng tạo/ Lưu Sâm Hoàng. - H.: Khoa học và kỹ thuật, 2025. - 373tr.; 24cm.

006.3 S550D/M.0188985 - M.0188986;
VV.0022547 - VV.0022548

009. Thư mục chuyên đề: "80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9". - H.: Dân trí, 2025. - 209tr.; 27cm.. - (Chào mừng kỷ niệm 80 năm cách mạng Tháng Tám (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2025))

016.959704 Th550M/M.0188408 - M.0188409;
MP.0043735

010. 80 năm Thông tấn xã Việt Nam (1945 - 2025). - H.: Thông tấn, 2025. - 328tr.; 25cm.

070.43509597 T104M/VV.0022470
100 – TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

011. Khám phá sự sống và cái chết/ Paul Chauchard; Nguyễn Thị Hồng Nhung dịch. - H.: Tri thức, 2023. - 206tr.; 20cm.

128.5 Kh104P/M.0188941 - M.0188942

012. Nửa gánh suy tư: Hành trình trở thành một người có giá trị/ Hoàng Mạnh Hải. - Tái bản lần thứ 5 có chỉnh sửa và bổ sung. - H.: Thế giới, 2024. - 260tr.; 21cm

128 N551G/M.0189345 - M.0189346; MP.0044113

013. *Thuyết siêu - hiện đại*: Tương lai của lý thuyết/ Jason Ananda Josephson Storm; Nguyễn Sỹ Nguyên dịch. - H.: Tri thức, 2025. - 508tr.; 24cm.

**149.97 Th528S/M.0189063 - M.0189064;
VV.0022563 - VV.0022564**

150 – Tâm lý học

014. *Nghệ thuật của sáng tạo*/ Robert E. Mueller; Chiến Kiệt dịch. - H.: Dân trí, 2024. - 218tr.; 21cm.

**153.35 Ngh250T/M.0188915 - M.0188916;
MP.0043953**

015. *Tâm sinh lý học con người*/ Jean Delay; Nguyễn Thị Hồng Nhung dịch. - H.: Tri thức, 2023. - 182tr.; 20cm.

**152 T120S/M.0188935 - M.0188936; VN.0087082 -
VN.0087083**

016. *The eye of the I - Nhận thức toàn vẹn*/ David R. Hawkins ; Phạm Nguyễn Trường dịch. - H.: Thế giới, 2024. - 432tr.; 24cm.

**153 Th200E/M.0188991 - M.0188992; VV.0022551 -
VV.0022552**

155 – Tâm lý học khác biệt và phát triển

017. *Giải mã mê cung - Cảm xúc phụ nữ*/ Biên soạn: Thanh Hương, Huyền Châu. - H.: Văn học, 2026. - 237tr.; 24cm

**155.63 Gi-103M/M.0189798 - M.0189799;
MP.0044319**

018. *Một loài động vật có đạo đức*/ Robert Wright; Đặng Đức Hiệp dịch. - H.: Tri thức, 2024. - 596tr.; 24cm.

155.3 M458L/M.0189057 - M.0189058

019. *Thế mạnh của tuổi trung niên*: Tìm kiếm thành công, hạnh phúc và mục đích cao đẹp ở nửa phần đời còn lại/ *Arthur C. Brooks; Trần Anh Khôi dịch*. - H.: Thế giới, 2025. - 322tr.; 24cm.

155.67

Th250M/M.0189069 - M.0189070;

MP.0044003

158 – Tâm lý học ứng dụng

020. *Chí lập thân*/ *Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh biên soạn*. - H.: Lao động, 2025. - 270tr.; 19cm.. - (Đạo lý cổ nhân)

158.1

Ch300L/M.0188561 - M.0188562;

MP.0043799

021. *Chí tiến thủ*/ *Biên soạn: Dương Thu Ái; Nguyễn Kim Hanh*. - H.: Lao động, 2025. - 324tr.; 19cm.. - (Đạo lý cổ nhân)

158.1

Ch300T/M.0188563 - M.0188564;

MP.0043800

022. *Con đường nâng tâm nhận thức và hành vi: Dẫn lối tới thành công trong công việc và bình an trong cuộc sống*/ *Đào Xuân Khương*. - H.: Công thương, 2025. - 192tr.; 21cm.

158.1

C429Đ/M.0189029 - M.0189030;

MP.0043993

023. *Đạo gia đình*/ *Biên soạn: Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh*. - H.: Lao động, 2025. - 280tr.; 19cm.. - (Đạo lý cổ nhân)

158.2

Đ108G/M.0188565 - M.0188566;

MP.0043801

024. *Giải mã Alpha*: Biến đổi cuộc sống sức khỏe kinh doanh/ *Lan Bercu*. - H.: Thế giới, 2024. - 314tr.; 21cm

158.1

Gi-103M/M.0189339 - M.0189340;

MP.0044110

025. *Ken - Ngày mai sống hay chết/ Kingkha.* - H.: Công thương, 2024. - 536tr.; 24cm.

158.1 K203N/M.0188989 - M.0188990;
MP.0043977

026. *Lý thuyết trò chơi và phụ nữ thông thái - Chiến lược vàng trong ván cờ hạnh phúc/ Biên soạn: Thanh Hương, Thanh Hà.* - H.: Văn học, 2026. - 181tr.; 24cm

158.1 L600T/M.0189796 - M.0189797;
MP.0044318

027. *Năng lượng bản thể: Tìm hiểu bản thân, khơi dậy sức mạnh nội tại, thu hút tiền bạc và hạnh phúc/ Amber Lyon; Eva La Lune dịch.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2025. - 315tr.; 19cm.

158.1 N116L/M.0188559 - M.0188560;
MP.0043798

028. *Nghệ thuật sống hạnh phúc dưới góc nhìn khoa học = Build the life you want: Nghệ thuật sống hạnh phúc dưới góc nhìn khoa học/ Arthur C. Brooks, Oprah Winfrey; Hương Hà dịch.* - H.: Thế giới, 2025. - 318tr.; 21cm

158.2 Ngh250T/M.0189351 - M.0189352;
MP.0044117

029. *Thấu hiểu là yêu thương/ Lucy Le.* - H.: Công thương, 2024. - 276tr.; 21cm.

158.1 Th125H/M.0189025 - M.0189026;
MP.0043991

030. *The colors of your life - Sắc màu và hơi thở/ Osho; Azura dịch.* - H.: Công thương, 2025. - 164tr.; 26cm.

158.1 Th200C/M.0188605 - M.0188606;
MP.0043820

031. *Tinh hoa đối nhân xử thế: Những bài học nhân sinh có giá*

trị nhất từ xưa đến nay/ *Chương Nham; Ngọc Hạnh dịch.* - H.: Dân trí, 2024. - 286tr.; 21cm.

158.2

T312H/M.0188571 - M.0188572;

MP.0043804

032. Tư tưởng tâm lý học quân sự từ thế kỷ X đến thế kỷ XV - vận dụng trong hoạt động quân sự hiện nay: Luận văn thạc sĩ Tâm lý học: 8310401/ *Phạm Minh Trung.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 115tr.; 30cm + Phụ lục

158

T550T/LV.0011146

033. 39 câu chuyện cho Tâm an/ Phan Đăng. - H.: Hội Nhà văn, 2024. - 241tr.; 21cm

158

B100M/MP.0044115 - MP.0044116

170 – Đạo đức học (Triết học đạo đức)

034. Handbook of global Philosophies on AI Ethics: Toward Sustainable Futures/ Naresh Singh, Ram B. Ramachandran. - London: Routledge, 2026. - 275p.; 26cm.

174.9001

H105O/AV.0013482

035. Ground Truth: The Moral Component in Contemporary British Warfare/ Frank Ledwidge, Helen Parr, Aaron Edwards. - London: Bloomsbury Academic, 2024. - 205p.; 23cm.

172.420941

Gr435T/AV.0013528

036. Luận về cảm thức đạo đức/ Adam Smith; Phương Ngô dịch. - Biên Hòa: Nxb. Đồng Nai, 2025. - 325tr.; 24cm.

170

L502V/M.0189051 - M.0189052, M.0189323 - M.0189324; VV.0022557 - VV.0022558, VV.0022662 - VV.0022663

200 – TÔN GIÁO

037. Giảm đau đớn bằng thiền định: Giành lại cơ thể và cuộc

sống của bạn/ *Jon Kabat - Zinn; Lê Hồng Vân dịch.* - H.: Dân trí, 2025. - 200tr.; 23cm.

204.3 **Gi-104Đ/M.0188615 - M.0188616;**
MP.0043821

038. *Huyền học và logic và những tiểu luận khác/ Bertrand Russell; Huỳnh Duy Thanh dịch.* - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 326tr.; 22cm.

204.22 **H527H/M.0189035 - M.0189036;**
VN.0087100 - VN.0087101

039. *Lịch sử và đặc điểm của một số tôn giáo ở Nam Bộ/ Nguyễn Thị Quế Hương chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 308tr.; 24cm.

200.95977 **L302S/M.0188663 - M.0188664;**
MP.0043834; VV.0022438 - VV.0022439

040. *Vai trò nguồn lực tôn giáo trong đời sống văn hóa ở tỉnh Thái Bình hiện nay: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 8229008/ Đặng Quang Đạo.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 129tr.; 30cm + Phụ lục

200.9597 **V103T/LV.0011157**

290 – Tôn giáo khác

041. *Bí mật phía sau nhục thân của các vị thiền sư/ Nguyễn Lâm Cường.* - H.: Thế giới, 2025. - 220tr.; 20cm.

294.3 **B300M/M.0188695 - M.0188696;**
VN.0086958 - VN.0086959

042. *Các khía cạnh của Phật giáo/ Henri De Lubac, Mai Yên Thi dịch.* - H.: Tri thức, 2023. - 251tr.; 20cm.

294.3 **C101K/M.0188921 - M.0188922;**
VN.0087076 - VN.0087077

043. Chế tác bình an và hạnh phúc trong giáo dục/ Thích Nhất Hạnh. - Tái bản lần thứ 6. - H.: Nxb. Hà Nội, 2025. - 312tr.; 24cm.

**294.37 Ch250T/M.0188995 - M.0188996;
MP.0043980**

044. Đức Phật Thích Ca: Nghiên cứu về cuộc đời một vĩ nhân thế giới/ *John S. Strong; Sự cô Như Hiếu dịch.* - H.: Thế giới, 2025. - 276tr.; 24cm.

**294.363 Đ552P/M.0188621 - M.0188622;
VV.0022410 - VV.0022411**

045. Tham vấn tâm lý trên nền tảng Phật giáo/ Kim Cheung Lee; *Đồng Khôi dịch.* - In lần thứ 2. - H.: Thế giới, 2025. - 372tr.; 24cm.

**294.33615 Th104V/M.0188987 - M.0188988;
MP.0043976; VV.0022549 - VV.0022550**

046. Về đi con!: Nghe êm đềm đầu đó mộng đoàn viên/ *Thích Đạo Quang.* - H.: Thế Giới, 2024. - 215tr.; 21cm

**294.3 V250Đ/M.0189355 - M.0189356;
MP.0044120 - MP.0044121**

300 – KHOA HỌC XÃ HỘI

047. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản dân ca quan họ tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang: Luận văn thạc sĩ Quản lý văn hóa:/ *Vũ Đức Quang.* - H.: Học viện Chính trị, 2024. - 158tr.; 30cm + Phụ lục

306.09597 B108T/LV.0011176

048. Chọn cho hay chọn bỏ - Thị trường văn hóa Trung Quốc trong kỷ nguyên toàn cầu hóa: Sách chuyên khảo/ *Trần Thị Thủy chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2024. - 232tr.; 24cm.

**306.0951 Ch429C/M.0188447 - M.0188448;
MP.0043747; VV.0022380 - VV.0022381**

049. *Ethics, Economy and Social Science: Dialogues With Andrew Sayer/ Baliyar Sanghera, Gideon Calder.* - Abingdon: Routledge, 2022. - 247p.; 20cm.. - (Routledge Advances in Sociology)

300.1 E207E/AV.0013559

050. *Lịch sử vợ/ Marilyn Yalom; Nguyễn Thị Minh dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 628tr.; 24cm.

**306.8723 L302S/M.0188441 - M.0188442;
VV.0022374 - VV.0022375**

051. *Lược sử nhân học = Brève histoire de l'anthropologie/ Florence Weber; Phạm Anh Tuấn dịch.* - Tái bản. - H.: Đại học Sư phạm, 2026. - 364 tr.; 24 cm

**301 L557S/M.0189385 - M.0189386; VV.0022688 -
VV.0022689**

052. *Sự kiến tạo ý nghĩa của thế giới xã hội: Một dẫn nhập vào xã hội học lý giải/ Alfred Schutz; Trần Hữu Quang dịch.* - H.: Dân trí, 2025. - 500tr.; 24cm.

**301 S550K/M.0188617 - M.0188618; VV.0022408 -
VV.0022409**

053. *The New Normal and Its Impact on Society: Perspectives from ASEAN and the European Union/ Nurliana Kamaruddin, Aida Idris, Kevin Fernandez.* - Singapore: Palgrave Macmillan, 2024. - 109tr.; 22cm. - (Palgrave Pivot)

306.0959 Th200N/AN.0013291

054. *Tưởng như không thể: Những mẫu chuyện ngoại giao văn hóa tại Iran và Ucraina/ Nguyễn Hồng Thạch.* - Xuất bản lần thứ 1. - H.: Tri thức, 2025. - 194tr.; 20,5 cm

**306.09597 T561N/M.0189341 - M.0189342;
MP.0044111**

302 – Tương tác xã hội

055. Báo chí công dân, mạng xã hội PR trong kỷ nguyên mới/ Nguyễn Bá Ngọc. - H.: Thế giới, 2025. - 199tr.; 21cm

**302.23 B108C/M.0189347 - M.0189348;
VN.0087136 - VN.0087137**

056. Dismantling Conspiracy Theories: Metaliteracy and other Strategies for an Information-Disordered World/ Katie Greer, Stephanie Beene. - Lanham: Rowman Littlefield, 2024. - 231p.; 23cm.

302.23 D313C/AV.0013491

057. Hành vi chia sẻ trên Facebook của giới trẻ hiện nay: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Phương Hoa chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 248tr.; 21cm.

**302.30285 H107V/M.0188703 - M.0188704;
MP.0043847; VN.0086966 - VN.0086967**

058. Hiệu ứng đám đông trên truyền thông mạng xã hội: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Thanh Thủy chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 280tr.; 21cm.

**302.33 H309U/M.0188479 - M.0188480;
MP.0043763; VN.0086900 - VN.0086901**

303 – Quá trình xã hội

059. Digitally Invisible: How The Internet Is Creating the New Underclass/ Nicol Turner Lee. - Washington: Brooking Institution, 2024. - 226p.; 24cm.

303.4833 D309I/AV.0013483

060. *Động thái xã hội Việt Nam và hướng quản lý phát triển xã hội trong bối cảnh mới*: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Đức Chiện. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 287tr.; 21cm.

**303.409597 Đ455T/M.0188705 - M.0188706;
MP.0043848; VN.0086968 - VN.0086969**

061. *Engineering for Peace and Diplomacy*/ Bernard Amadei. - Temasek Avenue: Jenny Stanford, 2025. - 434p.; 23cm.

303.48 E204F/AV.0013466

062. *Finding Gender Equality in the Women, Peace, and Security Agenda*: From Global Promises to National Accountability/ Barbara K. Trojanowska, Cynthia Enloe. - Lanham: Rowman Littlefield, 2022. - 159p.; 23cm.

303.6 F311G/AV.0013522

063. *Harnessing Technology for Inclusive Prosperity*: Growth, Work, and Inequality in the Digital Era/ Brahima Coulibaly, Zia Qureshi. - Washington: Brookings Institution Press, 2024. - 317p.; 23cm.

303.483 H107T/AV.0013517

064. *Stop the machines*: The rise of anti-technology extremism/ Mauro Lubrano. - Cambridge: Polity, 2025. - 194tr.; 21cm

303.483 St434T/AN.0013288

065. *Today's Facts*: Understanding the Current Evolution of Information/ James W. Cortada. - Lanham: Rowman Littlefield, 2025. - 243p.; 23cm.

303.4833 T419F/AV.0013530

066. *Vai trò văn hóa người Java đối với sự phát triển của Indonesia*: Sách chuyên khảo/ Phạm Thanh Tịnh chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2024. - 280tr.; 24cm.

303.4409598 **V103T/M.0188673 - M.0188674;**
MP.0043838; VV.0022448 - VV.0022449

067. *What Do We Know about War?: What Do We Know about War?/ Sara McLaughlin Mitchell, John A. Vasquez.* - Revised Third Edition. - Lanham: Rowman Littlefield, 2025. - 473p.; 23cm.

303.66 **Wh110D/AV.0013511**

305 – Nhóm người

068. *Chuyển đổi từ già hóa thụ động sang già hóa tích cực của người cao tuổi Việt Nam:* Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Đặng Thị Việt Phương, Nguyễn Thanh Thúy.* - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 236tr.; 21cm.

305.2609597 **Ch527Đ/M.0188701 - M.0188702;**
MP.0043846; VN.0086964 - VN.0086965

069. *Con người và nghệ thuật Chăm/ Jeanne Leuba; Nguyễn Thị Hồng Nhung dịch.* - Huế: Thuận Hóa, 2025. - 222tr.; 24cm.

305.89922 **C429N/M.0188607 - M.0188608;**
VV.0022400 - VV.0022401

070. *Kurds and Their Struggle for Autonomy: Enduring Identify and Clientelism/ Mehran Tamadonfar, Roman Lewis.* - Lanham: Lexington Books, 2023. - 429p.; 23cm.

305.8968 **K521A/AV.0013487**

071. *Những linh hồn da đen/ W. E. B. Du Bois; Nguyễn Hồng Anh dịch.* - H.: Văn học, 2025. - 358tr.; 21cm

305.896 **Nh556L/M.0189353 - M.0189354;**
MP.0044118 - MP.0044119

072. *Quan hệ dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, chính trị ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện*

nay: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Văn Minh chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 760tr.; 24cm.

305.8009597

Qu105H/M.0188671 - M.0188672;

VV.0022446 - VV.0022447

073. Sự nghiệp và gia đình: Phụ nữ trong hành trình hàng thế kỷ hướng tới sự bình đẳng/ *Claudia Goldin; NY dịch.* - H.: Dân trí, 2025. - 442tr.; 24cm.

305.4

S550N/M.0189065 - M.0189066;

MP.0044002; VV.0022565 - VV.0022566

307 – Cộng đồng

074. Làng xã Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ đất nước từ thế kỷ X đến thế kỷ XV: Sách chuyên khảo/ Chủ biên: Nguyễn Đức Nhuận, Lê Thùy Linh. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 412tr.; 24cm.

307.7209597

L106X/M.0188655 - M.0188656;

MP.0043830; VV.0022430 - VV.0022431

075. Sự tham gia của cộng đồng tộc người vào quá trình xây dựng nông thôn mới ở vùng biên giới tỉnh Tây Ninh: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Minh Nguyệt chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 260tr.; 21cm.

307.7209597

S550T/M.0188697 - M.0188698;

MP.0043844; VN.0086960 - VN.0086961

320 – Khoa học Chính trị (Chính trị học và chính quyền)

076. Conflict Areas in the Caucasus and Central Asia/ Gokturk Tuysuzoglu, Arda Ozkan. - Lanham: Lexington Books, 2022. - 460p.; 23cm.

320.95

C429A/AV.0013520

077. *Hành lang hẹp*: Nhà nước, xã hội, và vận mệnh của tự do; Sách tham khảo/ *Daron Acemoglu, James A. Robinson; Trần Thị Kim Chi dịch*. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2025. - 768tr.; 23cm.

320.011 H107L/M.0188852 - M.0188853;

VV.0022489 - VV.0022490

078. *Institutions and Incentives in Public Policy*: An Analytical Assessment of Non-Market Decision-Making/ *Rosolino A. Candela, Rosemarie Fike, Roberta Herzberg*. - Lanham: Rowman Littlefield, 2022. - 298p.; 23cm.

320.6 I-312A/AV.0013484

079. *Mapping Behavioral Public Policy*: Citizens' Preferences and Trust/ *Paolo Belardinelli*. - Cham: Palgrave Macmillan, 2024. - 99tr.; 22cm.. - (Executive Politics and Governance)

320.6 M109B/AN.0013292

080. *Person-Centered Politics*: A Personalist Approach to Political Philosophy/ *Eamonn Gerard O'Higgins*. - Lanham: Lexington Books Rowman Littlefield, 2024. - 437p.; 24cm.

320.01 P000P/AV.0013507

081. *Russian Government and Politics*/ *Eric Shiraev*. - 4th edition. - London: Bloomsbury Academic, 2025. - 460p.; 23cm.

320.947 R521G/AV.0013540

082. *Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thực hiện đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay*: Luận án tiến sĩ chủ nghĩa xã hội khoa học: 9229008/ *Đặng Văn Dũng*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 180tr.; 30cm + Phụ lục

320.9597 V103T/LV.0011224

083. *Vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trong xây dựng gia đình văn hóa ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay*: Luận văn thạc sĩ

Chủ nghĩa xã hội khoa học: 8229008/ *Diệp Minh Phụng*. - H.:
Học viện Chính trị, 2025. - 150tr.; 30cm + Phụ lục
320.9597 V103T/LV.0011155

084. *We're Number One!?: America's Uncertain Standing in the World/ Dennis W. Johnson*. - London: Routledge, 2026. - 412p.; 23cm.
320,973 W206N/AV.0013481

324 – Quá trình chính trị

085. *Bồi dưỡng năng lực công tác đảng, công tác chính trị của đội ngũ thủ trưởng chính trị đại đội ở Sư đoàn 1, Quân đội nhân dân Lào hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Thoong Sỏi Chăn Nha Lạt*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 126tr.; 30cm + Phụ lục
324.2594 B452D/LV.0011142

086. *Bồi dưỡng phương pháp làm việc khoa học của bí thư chi bộ đại đội quản lý học viên ở Đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Trần Anh Duy*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 141tr.; 30cm + Phụ lục
324.2597075 B452D/LV.0011139

087. *Chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu từ thường xuyên lên cao ở các lữ đoàn xe tăng thuộc Binh chủng Tăng thiết giáp hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nghiêm Duy Công*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 146tr.; 30cm + Phụ lục
324.2597075 Ch124L/LV.0011186

088. *Chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới biển,*

đạo của bộ đội biên phòng thành phố Hải Phòng hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Tá Lý*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 130tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.0011181

089. Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của các đảng ủy tiểu đoàn quản lý học viên ở Đảng bộ Học viện Hậu cần hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Hồ Hải Nam*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 135tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.0011138

090. Chất lượng đánh giá, xếp loại đảng viên của các tổ chức cơ sở đảng ở Đảng bộ Học viện Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Văn Luân*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 134tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.0011144

091. Chất lượng đội ngũ cán bộ chính trị ban chỉ huy quân sự cấp huyện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Trương Út Bắc*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 133tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.0011182

092. Chất lượng đội ngũ cán bộ chính trị cấp phân đội ở các nhà trường thuộc Bình chủng Tăng Thiết giáp hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Đỗ Quang Dũng*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 141tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.0011178

093. Chất lượng đội ngũ chi ủy viên ở các đảng bộ lữ đoàn xe tăng thuộc Bình chủng Tăng Thiết giáp hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Phùng*

Anh Tuấn. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 142tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.0011141

094. *Chất lượng đội ngũ đảng viên ở Đảng bộ Trường Cao đẳng kỹ thuật Phòng không - Không quân hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Hồ Văn Đông.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 140tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.0011183

095. *Chất lượng kiểm tra đảng viên của các đảng ủy tiểu đoàn quản lý học viên thuộc Đảng bộ Trường sĩ quan Chính trị hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Văn Sơn.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 136tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.0011143

096. *Chất lượng lãnh đạo đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng của đảng ủy học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay:* Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước: 9310202/ *Nguyễn Thế Hanh.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 189tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.0011225

097. *Chất lượng lãnh đạo nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu của các đảng ủy lữ đoàn xe tăng, Binh chủng Tăng Thiết giáp hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Lê Xuân Tú.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 143tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.0011184

098. *Chất lượng sinh hoạt chi bộ lớp học viên đào tạo theo chức vụ ở Đảng bộ Học viện Lục quân hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Hải Long.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 142tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.0011135

099. Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng: Tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ các cấp. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 352tr.; 27cm.

324.2597075

D550T/M.0189240 - M.0189241

100. Dự thảo các văn kiện trình đại hội XIV của Đảng: Tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ cấp xã, cấp tỉnh và tương đương. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 463tr.; 27cm.

324.2597075

D550T/M.0189242

101. Đại hội 20 Đảng cộng sản Trung Quốc: Từ nền tảng lý luận đến xu hướng chính sách: Sách chuyên khảo/ *Hoàng Huệ Anh chủ biên*. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 360tr.; 24cm.

324.251075

Đ103H/M.0188661 - M.0188662;

MP.0043833; VV.0022436 - VV.0022437

102. Đảng bộ Quân khu 3 lãnh đạo công tác giáo dục chính trị cho hạ sĩ quan, binh sĩ từ năm 2010 đến năm 2020: Luận văn thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 8229015/ *Nguyễn Văn Dũng*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 152tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Đ106B/LV.0011193

103. Đảng bộ Quân khu 7 lãnh đạo xây dựng đội ngũ đảng viên từ năm 2010 đến năm 2020: Luận văn thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 8229015/ *Phùng Danh Liệm*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 172tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Đ106B/LV.0011195

104. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển du lịch từ năm 2010 đến năm 2020: Luận văn thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 8229015/ *Phạm Sang Đông*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 154tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Đ106B/LV.0011192

105. Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo phát triển nguồn

nhân lực từ năm 2010 đến năm 2020: Luận văn thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 8229015/ *Bùi Văn Đồng*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 143tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Đ106B/LV.0011190

106. *Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lãnh đạo xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2020*: Luận văn thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 8229015/ *Lê Trường Giang Lộc*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 157tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Đ106B/LV.0011194

107. *Đảng lãnh đạo phát triển công nghệ thông tin từ năm 2011 đến năm 2020*: Luận án tiến sĩ lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 9229015/ *Đoàn Thanh Thủy*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 199tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Đ106L/LV.0011222

108. *Đảng lãnh đạo xây dựng các quân đoàn chủ lực trong kháng chiến chống Mỹ từ năm 1973 đến năm 1975*: Luận văn thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 8229015/ *Trần Đức Anh*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 141tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

Đ106L/LV.0011191

109. *Đảng và dân trong thời kỳ mới*/ *Nguyễn Thế Trung*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 412tr.; 21cm.

324.2597075

Đ106V/M.0188477 - M.0188478;

MP.0043762; VN.0086898 - VN.0086899

110. *Giới thiệu một số tác phẩm của các đồng chí Tổng Bí thư Đảng cộng sản Việt Nam*: Dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị/ *Chủ biên: Nguyễn Thị Thanh Tùng, Hoàng Thị Thuận*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 251tr.; 21cm.

324.597075

Gi-462T/M.0188481 - M.0188482;

MP.0043764; VN.0086902 - VN.0086903

111. Lịch sử Đảng bộ quân sự huyện Mỹ Hòa (1947 - 2015). - H.: Quân đội nhân dân, 2024. - 572tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0017811

112. Lịch sử Đảng bộ Quân sự huyện Yên Mỹ (1947 - 2022). - H.: Quân đội nhân dân, 2024. - 484tr.; 22cm.

324.2597075 L302S/LC.0017810

113. Minh triết Hồ Chí Minh về công tác cán bộ/ Biên soạn: Nguyễn Như Ý, Đinh Xuân Dũng,.... - H.: Thông tin và truyền thông, 2025. - 286tr.; 24cm.. - (Minh triết Hồ Chí Minh - Tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta)

324.2597075 M312T/M.0188425 - M.0188426 - M.0188427; MP.0043739; VV.0022358 - VV.0022359 - VV.0022360

114. Minh triết Hồ Chí Minh về Đảng và Nhà nước/ Nguyễn Như Ý, Đinh Xuân Dũng biên soạn. - H.: Thông tin và truyền thông, 2025. - 303tr.; 24cm.. - (Minh triết Hồ Chí Minh - Tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta)

324.2597075 M312T/M.0188434 - M.0188435 - M.0188436; MP.0043742; VV.0022367 - VV.0022368 - VV.0022369

115. Nâng cao chất lượng hoạt động của đảng ủy quân sự trong xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc trên địa bàn Quân khu 1 hiện nay: Luận án tiến sĩ xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước: 9310202/ Hà Chí Chung. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 189tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075 N122C/LV.0011223

116. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ cơ quan Tổng cục chính trị lần thứ XX. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 104tr.; 21cm.

324.2597075 V115K/LC.0018045 - LC.0018046

117. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra đảng ở Đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ Lê Xuân Chung. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 159tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

V121D/LV.0011166

118. Women, politics, and power: A global perspective/ Pamela Paxton, Melanie M. Hughes, Tiffany D. Barnes. - Fifth edition. - Lanham: Rowman Littlefield, 2025. - 389tr.; 24cm.

324.082

W430P/AV.0013572

119. Xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh ở Đảng bộ Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ Trịnh Văn Thắng. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 132tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

X126D/LV.0011130

120. Xây dựng đội ngũ cán bộ ban chính trị ở các trung đoàn bộ binh đủ quân thuộc Quân đoàn 12 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ Đỗ Ngọc Huy. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 134tr.; 30cm + Phụ lục

324.2597075

X126D/LV.0011137

325 – Di trú quốc tế và thuốc địa hóa

121. Differentiation and Politicization: The Case of EU Migration Policy/ Eleftheria Markozani. - Lanham: Lexington Books Rowman Littlefield, 2024. - 231p.; 24cm.

325.4

D309A/AV.0013502

122. Displacement and Refugee Issues in South Asia: Uncovering the Contested Realities/ Bulbul Siddiqi. - Lanham: Lexington Books, 2024. - 246p.; 24cm.

325.2140954

D313A/AV.0013527

123. *Political Refugees: A New Perspective/ Armin Danesh, Alison Assiter.* - Lanham: Rowman Littlefield, 2022. - 169p.; 24cm.

325 P428R/AV.0013499

327 – Quan hệ quốc tế

124. *Agent Link: The Spy Erased from History/ Raymond J. Batvinis.* - Lanham: Rowman Littlefield, 2024. - 325p.; 24cm.

327.1247092 A102L/AV.0013493

125. *American Foreign Policy: Examining the Facts/ Paul Frazier.* - New York: Bloomsury Academic, 2025. - 162p.; 23cm.

327.73 A104F/AV.0013533

126. *Back to Basics: U.S - Iraq Security Cooperation in the Post-Combat Era/ Michael Knights, Alex Almeida.* - Lanham: Rowman Littlefield, 2023. - 107p.; 23cm.

327.567 B102T/AV.0013513

127. *Bàn cờ mới - Tương lai quan hệ quốc tế trong kỷ nguyên AI/ Vũ Lê Thái Hoàng chủ biên.* - H.: Thế giới, 2025. - 278tr.; 24cm.

**327.1 B105C/M.0188609 - M.0188610;
VV.0022402 - VV.0022403**

128. *Biển Đông trong quan hệ quốc tế hiện nay và đối sách của Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Trần Thị Lan Hương chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 320tr.; 21cm.

**327 B305Đ/M.0188709 - M.0188710; MP.0043850;
VN.0086972 - VN.0086973**

129. *Bối cảnh mới trên biển Đông đến năm 2030 và hàm ý cho Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Hải Yến chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 288tr.; 24cm.

327.17 **B452C/M.0188669 - M.0188670;**
MP.0043837; VV.0022444 - VV.0022445

130. *China and Climate Leadership: A Role Theory Analysis/ Kim Vender.* - London: Routledge, 2026. - 253p.; 23cm.

327.1 **Ch311A/AV.0013470**

131. *China Resurrected: A Modern Geopolitical History/ Frans-Paul van der Putten.* - London: Bloomsbury Academic, 2025. - 222p.; 23cm.

327.51 **Ch311R/AV.0013478**

132. *China's Diplomacy Responding to World Transformation in the New Era/ Honghua Men.* - Gateway: Springer, 2025. - 339p.; 24cm.

327.51 **Ch311D/AV.0013475**

133. *Cyber Governance in China: Balancing State Centrism and Collaborative Dynamics/ Cuihong Cai.* - London: Routledge, 2026. - 271p.; 24cm.

327.51 **C600G/AV.0013474**

134. *From Southeast Asia to Indo-Pacific: Culture, Identity, and the Return to Geopolitics/ Amitav Acharya.* - Bangalore: Penguin, 2025. - 237p.; 21cm.

327.59 **Fr430S/AN.0013286**

135. *Global Values and International Trade Law: A Multi-Dimensional Analysis/ Csongor István Nagy.* - New York: Routledge, 2022. - 256p.; 23cm.. - (Routledge Series on China-Europe Relations)

thức trong việc duy trì ổn định và hợp tác giữa hai quốc gia.

327.51054 **GI418V/AV.0013555**

136. *International Relations: Theories, Concepts, and*

Organizations/ *Bilal Karabulut*. - Lanham: Lexington Books, 2024. - 335p.; 23cm.

327 I-312R/AV.0013486

137. *International Security: Threats, Theories, and Transformation/ Bilal Karabulut*. - Lanham: Lexington Books, 2024. - 255p.; 24cm.

327.17 I-312S/AV.0013280, AV.0013505

138. *Introduction to International Relations: Us and Others, Disparity and Dissatisfaction, Trust and Distrust, Legitimacy and Illegitimacy/ Atsushi Tago*. - Gateway East: Springer, 2025. - 185p.; 24cm.

327.1 I-312T/AV.0013476

139. *Korea - US - China Trilateral Relations in the Xi Jinping Era: Complexity, Conflict, and Interdependence/ Duck-Koo Chung, Byung-se Yun*. - Lanham: Lexington Books Rowman Littlefield, 2025. - 349p.; 24cm.

327.51073 K000U/AV.0013497

140. *Lifting the Fog: The Secret History of the Dutch Defense Intelligence and Security Service (1912-2022)/ Bob de Graaff*. - Lanham: Lexington Books, 2024. - 639p.; 23cm.

327.1273 L309T/AV.0013488

141. *Marxism and International Relations: Perspectives from the Brazilian Global South/ Caio Martins Bugiato*. - London: Routledge, 2025. - 309p.; 23cm.

327 M109A/AV.0013480

142. *Minh triết Hồ Chí Minh về công tác đối ngoại*. - H.: Thông tin và truyền thông, 2025. - 258tr.; 24cm.. - (Minh triết Hồ Chí Minh - Tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta)

**327.597 M312T/M.0188428 - M.0188429 -
M.0188430; MP.0043740; VV.0022361 - VV.0022362 -
VV.0022363**

143. Một số điệp vụ ly kỳ với những điệp viên nổi tiếng thế giới:
Sách tham khảo/ *Bùi Hữu Dương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2024.
- 204tr.; 21cm.

327.12 M458S/LC.0017820 - LC.0017821

144. *New developments in the trilateral relationship between the United States, Taiwan, and China*/ Yao-Yuan Yeh, Charles K.S. Wu. - Lanham: Lexington Books, 2025. - 174tr.; 24cm.

327.73051 N532d/AV.0013573

145. *Norm Contestation in EU Foreign Policy*/ Diego Badell. - Cham: Palgrave Macmillan, 2025. - 192p.; 22cm.

327.4 N434C/AV.0013463

146. *Patriotism to the Earth: The Quest for Humane Global Governance*/ Richard A. Falk, Sasha Milonova. - Lanham: Rowman Littlefield, 2025. - 353p.; 23cm.

327.1 P110T/AV.0013537

147. *Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về quan hệ quốc tế - Giá trị và định hướng vận dụng vào giảng dạy ở Học viện Chính trị hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Đặng Công Thành chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 164tr.; 21cm.

327.101 Qu105Đ/LC.0017814

148. *Southeast Asia Views the United States: Perceptions, Politics, and Prospects*/ Ann Marie Murphy. - Lanham: Rowman Littlefield, 2025. - 407p.; 23cm.

327.59073 S435A/AV.0013515

149. *State, Security, and Cyberwar: The Quest for Digital Peace*/

Sanjay K. Jha, Thangjam K. Singh. - London: Routledge, 2026. - 220p.; 23cm.

327.1 St110S/AV.0013473

150. *Tây Trường Sơn tình sâu nghĩa nặng/ Hoàng Kiền.* - Thanh Hóa: Nxb. Thanh Hóa, 2023. - 463tr.; 21cm.

**327.5970594 T126T/M.0188415 - M.0188416;
MP.0043736; VN.0086343**

151. *The Academic-Practitioner Divide in Intelligence Studies/ Ruben Arcos, Nicole K. Drumhiller, Mark Phythian.* - Lanham: Rowman Littlefield, 2022. - 318p.; 24cm.

327.12 Th200A/AV.0013495

152. *The Connectivity Cooperation between China and Europe: A Multi-Dimensional Analysis/ Liu Zuokui, Branislav Đorđević.* - London: Routledge, 2023. - 273p.; 24cm.. - (Routledge Series on China-Europe Relations)

327.5104 Th200C/AV.0013554

153. *The denuclearisation of the oceans/ R. B. Byers.* - London: Routledge, 2023. - 270tr.; 22cm.. - (Routledge Revivals)

327.174 Th200D/AN.0013289

154. *The Global Nuclear Landscape: Energy, Non-Proliferation and Disarmament/ Manpreet Sethi.* - Lanham: Lexington Books Rowman Littlefield, 2023. - 277p.; 23cm.

327.1 Th200G/AV.0013531

155. *The Global Third Nuclear Age: Clashing Visions for A New Era in International Politics/ Andrew Futter, Ludovica Castelli, Cameron Hunter....* - London: Routledge, 2025. - 275p.; 23cm.

327.1747 Th200G/AV.0013532

156. *The Handbook of Asian Interlligence Culture/ Ryan Shaffer.* - Lanham: Rowman Littlefield, 2022. - 458p.; 24cm.

327.15 **Th200H/AV.0013501**

157. *The Handbook of Latin American and Caribbean Intelligence Culture/ Florina Cristiana Matei, Carolyn Halladay, Eduardo E. Estevez.* - Lanham: Rowman Littlefield, 2022. - 398p.; 24cm.

327.128 **Th200H/AV.0013496**

158. *The myth of war in the Taiwan Strait:* Elite perspectives from Beijing, Taipei, and Washington amid the Yizhou Dilemma/ *Taiyi Sun, Dennis Lu-Chung Weng.* - Lanham: Lexington Books, 2025. - 180tr.; 24cm.

327.51249073 **Th200M/AV.0013571**

159. *The Rise of China and the China - Russia Strategic Partnership/ Lei Yu.* - Cham: Palgrave Macmillan, 2024. - 244p.; 22cm.

327.51 **Th200R/AV.0013464**

160. *The Role of Threat Perceptions in International Relations:* Analysing China's Rise in the Indo-Pacific. - London: Routledge, 2026. - 183p.; 23cm.

327.101 **Th200R/AV.0013472**

161. *The Russia - Ukraine War: A Manifestation of the "New Cold War"?:* Perspectives on Solutions from Peace Studies/ *Karim Fathi.* - Wiesbaden: Springer, 2025. - 310p.; 20cm.

327.45 **Th200R/AN.0013284**

162. *Understanding Near Crises and Escalation in World Politics:* A Mixed Methods Approach/ *Steven E. Lobell, Patrick James, Scott A. Silverstone....* - London: Routledge, 2026. - 153p.; 23cm.

327.1 **U512N/AV.0013471**

163. *Unfinished Transformation:* Domestic Politics and

International Relations since the COVID-19 Pandemic/ *Wonhyuk Lim*. - Washington, DC: Brookings Institution Press, 2025. - 235p.; 23cm.

327.73051

U512T/AV.0013535

164. *World Builders*: Technology and the New Geopolitics/ *Bruno Macaes*. - Cambridge: Cambridge University, 2025. - 264p.; 22cm.

327.1

W434B/AV.0013462

330 – Kinh tế học

165. *Capitalism: An Unsustainable Future?*. - London: Routledge, 2022. - 320p.; 24cm.. - (International Review of Applied Economics)

330.122

A105U/AV.0013564

166. *Complexity Economics*: Economic Governance, Science and Policy/ *Olivér Kovács*. - London: Routledge, 2023. - 353p.; 24cm.. - (Routledge Studies in Economic Theory, Method and Philosophy)

330.1

C430E/AV.0013561

167. *Đời sống kinh tế - xã hội ngư dân vùng ven biển Bắc Trung Bộ*: Sách chuyên khảo/ *Hoàng Hồng Hiệp* chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 332tr.; 24cm.

330.9597

Đ462S/M.0188659 - M.0188660;

MP.0043832; VV.0022434 - VV.0022435

168. *Economic Innovations*: Creating New Instruments to Improve Economic Life/ *Beth Webster, Bill Scales*. - Abingdon: Routledge, 2023. - 111p.; 20cm.. - (Routledge focus on economics and finance)

330.994

E201I/AV.0013566

169. *Human Nature in Modern Economics: Structure, Change and Perspectives/ Anna Horodecka.* - New York: Routledge, 2022. - 256p.; 23cm.. - (Routledge Advances in Social Economics)

330.019 H511N/AV.0013557

170. *Kinh tế Miền Nam thời kỳ 1955 - 1975: thời kỳ 1955-1975/ Đặng Phong.* - H.: Tri thức, 2025. - 690tr.; 24cm

**330.9597 K312T/M.0189421 - M.0189422;
MP.0044136; VV.0022702 - VV.0022703**

171. *Lý thuyết kinh tế phương Tây hiện đại/ Hồ Quế Hậu.* - H.: Thế giới, 2025. - 409tr.; 21cm.

**330.155 L600T/M.0189031 - M.0189032;
VN.0087098 - VN.0087099**

172. *Lý thuyết kinh tế phương Tây hiện đại/ Hồ Quế Hậu.* - H.: Thế giới, 2025. - 409tr.; 21cm

330.155 L600T/VN.0087138 - VN.0087139

173. *Những bố già châu Á: Tiền bạc và quyền lực ở Hồng Kông và Đông Nam Á/ Joe Studwell; Trần Cung dịch.* - H.: Thế giới, 2024. - 444tr.; 24cm.

330.959 Nh556/M.0189234 - M.0189235

174. *Principles for Dealing with the Changing World Order/ Ray Dalio.* - London: Avid Reader, 2021. - 576p.; 23cm.

330.9 Pr311F/AV.0013468

175. *The Rise of the Semi-Core: China, India, and Pakistan in the World-System/ Samee Lashari.* - Lanham: Lexington Books, 2024. - 349p.; 24cm.

330.951 Th200R/AV.0013504

332 – Kinh tế học tài chính

176. *Debating Modern Monetary Theory/ Costas Lapavistas, Robert Rowthorn.* - London: Routledge, 2022. - 101p.; 23cm.

332.4 D200M/AV.0013562

177. *Không có bầy cừu lớn sao có bầy sói mạnh:* Giải mã thị trường đầu tư, thấu hiểu tâm lý đám đông và khám phá những chiến thuật thao túng ẩn sau bức tranh tài chính/ *Mary Childs; Thảo Hà dịch.* - H.: Công thương, 2025. - 403tr.; 21cm.

332.6323 Kh455C/M.0189037 - M.0189038

178. *Quy luật của tiền:* Bí quyết sử dụng tiền để tạo ra dòng tiền dài hạn, tích lũy thông minh, đầu tư đúng cách và tối ưu lợi nhuận/ *Laurence J. Kotlikoff; Phương Oanh dịch.* - H.: Công thương, 2025. - 315tr.; 19cm.

332.02401 Qu600L/M.0188557 - M.0188558

179. *Tranding with pariahs:* Trade Networks and the Failure of Economic Sanctions/ *Keith A. Preble, Charmaine N. Willis Ward.* - Lanham: Lexington Books, 2024. - 189p.; 24cm.

3327.1 Tr105W/AV.0013506

333 – Kinh tế đất và năng lượng

180. *Alternative Energy:* Political, Economic, and Social Feasibility/ *Christopher A. Simon.* - Lanham: Rowman Littlefield, 2025. - 388p.; 23cm.

333.79 A103E/AV.0013521

181. *Đất đai - Ham muốn sở hữu định hình thế giới hiện đại/*

Simon Winchester; Trần Trọng Hải Minh dịch. - H.: Thế giới, 2025. - 478tr.; 24cm.

**333.309 Đ124Đ/M.0188862 - M.0188863;
VV.0022497 - VV.0022498**

335 – Chủ nghĩa xã hội và hệ thống có liên quan

182. Minh triết Hồ Chí Minh về đại đoàn kết/ Biên soạn: Nguyễn Như Ý, Đinh Xuân Dũng. - H.: Thông tin và truyền thông, 2025. - 278tr.; 24cm.. - (Minh triết Hồ Chí Minh - Tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta)

**335.4346 M312T/M.0188419 - M.0188420 -
M.0188421; MP.0043737; VV.0022352 - VV.0022353 -
VV.0022354**

183. Minh triết Hồ Chí Minh về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ/ Biên soạn: Nguyễn Như Ý, Đinh Xuân Dũng. - H.: Thông tin và truyền thông, 2025. - 285tr.; 24cm.. - (Minh Triết Hồ Chí Minh - Tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta)

**335.4346 M312T/M.0188431 - M.0188432 -
M.0188433; MP.0043741; VV.0022364 - VV.0022365 -
VV.0022366**

184. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chỉnh huấn cán bộ, định hướng vận dụng trong giai đoạn cách mạng mới: Sách chuyên khảo/ Trần Quốc Cường chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 220tr.; 21cm.

335.4346 T550T/LC.0018048 - LC.0018049

185. Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. - H.: Hồng đức, 2021. - 298tr.; 21cm.

**335.4346 T550T/M.0188417 - M.0188418;
VN.0086876 - VN.0086877**

337 – Kinh tế học quốc tế

186. *Absolute Essentials of International Economics*/ Thomas R. Sadler.. - Abingdon: Routledge, 2024. - 139p.; 22cm.. - (Routledge Focus)

337 A100E/AN.0013287

187. *China and America's Tech War from AI to 5G: The Struggle to Shape the Future of World Order*/ A. B. Abrams. - Lanham: Lexington Books, 2022. - 397p.; 23cm.

337.73051 Ch311A/AV.0013508

188. *International Economic Governance In A Multipolar World*/ Radhika Desai. - Abingdon: Routledge, 2022. - 107p.; 24cm.

337 I-312E/AV.0013563

338 – Sản xuất

189. *Apple hậu Steve Jobs*/ Tripp Mickle; Diệp Ngôn dịch. - H.: Lao động, 2025. - 435tr.; 24cm.

338.7610046 A109H/M.0189053 - M.0189054; MP.0043998

190. *Bảo tồn, phát triển vốn tự nhiên phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở hạ lưu sông Cả*: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Bích Nguyệt chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 272tr.; 24cm.

338.1095974 B108T/M.0188657 - M.0188658; MP.0043831; VV.0022432 - VV.0022433

191. *Chính sách thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hàn Quốc, Đài Loan và hàm ý cho Việt Nam*: Sách chuyên khảo/ Ngô Văn Vũ chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 280tr.; 21cm.

**338.642095 Ch312S/M.0188713 - M.0188714;
MP.0043852; VN.0086976 - VN.0086977**

192. *Development Economics: Aptly or Wrongly Named?/* Editors: Natalia Bracarense, Louis-Philippe Rochon. - London: Routledge, 2022. - 167p.; 25cm.

338.9 D207E/AV.0013565

193. *Globalization and Human Development/ Roni Kay M. O'Dell, Devin K. Joshi.* - Lanham: Rowman Littlefield, 2024. - 255p.; 23cm.

338.9 GI418A/AV.0013514

194. *Kết thúc chỉ là khởi đầu: Phác thảo sự sụp đổ của toàn cầu hóa/ Peter Zeihan; Hà Hoàng dịch.* - H.: Thế giới, 2025. - 609tr.; 24cm.

**338.91 K258T/M.0188866 - M.0188867;
VV.0022499 - VV.0022500**

195. *Public Goods and the Fourth Industrial Revolution: Inclusive Models of Finance, Distribution and Production/ Maria Płonka.* - London: Routledge, 2023. - 252p.; 24cm.. - (Routledge Studies in Public Economics and Finance)

338.9 P505G/AV.0013558

196. *State-Owned Enterprises in the Global Economy/ Maciej Bałtowski, Grzegorz Kwiatkowski.* - 1st Edition. - London: Routledge, 2022. - 313p.; 24cm.

338.6 S000/AV.0013560

340 – Luật pháp

341 – Luật giữa các quốc gia

197. *Just War Theory and Artificial Intelligence: Challenges*

and Consequences/ *Maria Power, Maggi Savin-Baden*. - London: CRC, 2026. - 138p.; 24cm.

341.6 J521W/AV.0013477

198. Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc năm 2025. - H.: Lao động, 2025. - 38tr.; 19cm.

**341.584 L504T/M.0188519 - M.0188520;
MP.0043781; VN.0086942 - VN.0086943**

199. Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 36tr.; 19cm.

**341.584 L504T/M.0188740 - M.0188741;
MP.0043864; VN.0087000 - VN.0087001**

342 – Luật hiến pháp và hành chính

200. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Hiến pháp năm 1992 - 1980 - 1959 - 1946. - H.: Lao động, 2025. - 319tr.; 19cm.

**342.597023 H305P/M.0188505 - M.0188506;
MP.0043774; VN.0086928 - VN.0086929**

201. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 108tr.; 19cm.

**342.597 L504B/M.0188776 - M.0188777;
MP.0043882; VN.0087036 - VN.0087037**

202. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 56tr.; 19cm.

**342.5970858 L504B/M.0188758 - M.0188759;
MP.0043873; VN.0087018 - VN.0087019**

203. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025. - H.: Lao động, 2025. - 59tr.; 19cm.

342.5970858 L504B/M.0188507 - M.0188508;
MP.0043775; VN.0086930 - VN.0086931

204. Luật Cán bộ, công chức năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 52tr.; 19cm.

342.597068 L504C/M.0188772 - M.0188773;
MP.0043880; VN.0087032 - VN.0087033

205. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 44tr.; 19cm.

342.59704 L504M/M.0188774 - M.0188775;
MP.0043881; VN.0087034 - VN.0087035

206. Luật Thanh tra năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 88tr.; 19cm.

342.5970667 L504T/M.0188728 - M.0188729;
MP.0043858; VN.0086988 - VN.0086989

207. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025. - H.: Lao động, 2025. - 51tr.; 19cm.

342.59704 L504T/M.0188513 - M.0188514;
MP.0043778; VN.0086936 - VN.0086937

208. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - H.: Lao động, 2025. - 130tr.; 19cm.

342.59709 L504T/M.0188501 - M.0188502;
MP.0043773; VN.0086924 - VN.0086925

209. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 124tr.; 19cm.

**342.59709 L504T/LC.0018037 - LC.0018038;
M.0187897 - M.0187898; MP.0043486; VN.0086728 -
VN.0086729**

210. Luật Tổ chức Quốc hội (Hiện hành) sửa đổi, bổ sung năm 2020 và 2025. - H.: Thông tin và truyền thông, 2025. - 93tr.; 21cm.

**342.597057 L504T/M.0188485 - M.0188486;
MP.0043766; VN.0086906 - VN.0086907**

211. Luật Tổ chức Quốc hội (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2023, 2025). - H.: Lao động, 2025. - 94tr.; 19cm.

**342.59702 L504T/M.0188511 - M.0188512;
MP.0043777; VN.0086934 - VN.0086935**

212. Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2024, 2025). - H.: Lao động, 2025. - 375tr.; 19cm.

**342.597066 L504T/M.0188527 - M.0188528;
VN.0086950 - VN.0086951**

213. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2022, 2024, 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 188tr.; 19cm.

**342.59706 L504X/M.0188732 - M.0188733;
MP.0043860; VN.0086992 - VN.0086993**

214. Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2022, 2024, 2025). - H.: Lao động, 2025. - 215tr.; 19cm.

**342.59706 L504X/M.0188523 - M.0188524;
MP.0043783; VN.0086946 - VN.0086947**

215. So sánh Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 - 2025 và Hỏi - đáp về Luật Tổ chức chính quyền địa phương/ Trần Văn Hà biên soạn. - H.: Thông tin và truyền thông, 2025. - 431tr.; 21cm.

**342.59709 S400S/M.0188487 - M.0188488;
VN.0086908 - VN.0086909**

**343 – Luật quân sự, quốc phòng, tài sản công, tài chính công,
thuế, thương mại (mậu dịch), công nghiệp**

**216. Chế độ công tác phí, chi hộ nghị và cơ chế tự chủ tài chính,
kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên.** - H.: Hồng
đức, 2025. - 406tr.; 27cm.

**343.597034 Ch250Đ/M.0189045 - M.0189046;
MP.0043995**

**217. Hệ thống toàn văn các văn bản luật về quân sự, quốc
phòng; những quy định chi tiết thi hành.** - H.: Hồng đức, 2025. -
683tr.; 27cm.

**343.59701 H250T/M.0189047 - M.0189048;
MP.0043996; VV.0022553 - VV.0022554**

**218. Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 (sửa đổi, bổ sung
năm 2025).** - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 44tr.; 19cm.

**343.597015351 L504B/M.0188770 - M.0188771;
MP.0043879; VN.0087030 - VN.0087031**

219. Luật Đường sắt năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật,
2025. - 80tr.; 19cm.

**343.597095 L504Đ/M.0188768 - M.0188769;
MP.0043878; VN.0087028 - VN.0087029**

**220. Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013 (sửa đổi,
bổ sung năm 2018, 2025).** - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025.
- 44tr.; 19cm.

**343.59701 L504G/M.0188766 - M.0188767;
MP.0043877; VN.0087026 - VN.0087027**

221. Luật Lực lượng dự bị động viên (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 48tr.; 19cm.

**343.59701537 L504L/M.0188734 - M.0188735;
MP.0043861; VN.0086994 - VN.0086995**

222. Luật Năng lượng nguyên tử năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 108tr.; 19cm.

**343.5970925 L504N/M.0188742 - M.0188743;
MP.0043865; VN.0087002 - VN.0087003**

223. Luật Ngân sách nhà nước năm 2025. - H.: Lao động, 2025. - 130tr.; 19cm.

**343.597034 L504N/M.0188517 - M.0188518;
MP.0043780; VN.0086940 - VN.0086941**

224. Luật Ngân sách nhà nước năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 116tr.; 19cm.

**343.597034 L504N/M.0188778 - M.0188779;
MP.0043883; VN.0087038 - VN.0087039**

225. Luật Nghĩa vụ quân sự. - H.: Lao động, 2023. - 59tr.; 19cm.

**343.5970122 L504N/M.0188525 - M.0188526;
MP.0043784; VN.0086948 - VN.0086949**

226. Luật Phòng không nhân dân (Hiện hành). - H.: Thông tin và truyền thông, 2025. - 49tr.; 21cm.

**343.59701 L504P/M.0188483 - M.0188484;
MP.0043765; VN.0086904 - VN.0086905**

227. Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 52tr.; 19cm.

**343.59701 L504Q/M.0188726 - M.0188727;
MP.0043857; VN.0086986 - VN.0086987**

228. Luật Quốc phòng năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023, 2024, 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 52tr.; 19cm.

343.59701 L504Q/M.0188754 - M.0188755;

MP.0043871; VN.0087014 - VN.0087015

229. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 48tr.; 19cm.

343.59705268 L504T/M.0188746 - M.0188747;

MP.0043867; VN.0087006 - VN.0087007

230. Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 32tr.; 19cm.

343.5970553 L504T/M.0188748 - M.0188749;

MP.0043868; VN.0087008 - VN.0087009

231. Tìm hiểu Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024/ Trương Ngọc Liễu. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 244tr.; 21cm.

343.5970938 T310H/M.0188489 - M.0188490;

MP.0043767; VN.0086910 - VN.0086911

344 – Luật lao động, dịch vụ xã hội, giáo dục, văn hóa

232. Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 68tr.; 19cm.

344.597095 L504C/M.0188730 - M.0188731;

MP.0043859; VN.0086990 - VN.0086991

233. Luật Di sản văn hóa năm 2024. - H.: Lao động, 2025. - 179tr.; 19cm.

344.59709 L504D/M.0188521 - M.0188522;

MP.0043782; VN.0086944 - VN.0086945

234. Luật Hóa chất năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 68tr.; 19cm.

**344.5970424 L504H/M.0188738 - M.0188739;
MP.0043863; VN.0086998 - VN.0086999**

235. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 124tr.; 19cm.

**344.597095 L504K/M.0188736 - M.0188737;
MP.0043862; VN.0086996 - VN.0086997**

236. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - H.: Lao động, 2025. - 139tr.; 19cm.

**344.597095 L504K/M.0188509 - M.0188510;
MP.0043776; VN.0086932 - VN.0086933**

237. Luật Nhà giáo năm 2025. - H.: Lao động, 2025. - 50tr.; 19cm.

**344.59707 L504N/M.0188515 - M.0188516;
MP.0043779; VN.0086938 - VN.0086939**

238. Luật Nhà giáo năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 44tr.; 19cm.

**344.59707 L504N/M.0188760 - M.0188761;
MP.0043874; VN.0087020 - VN.0087021**

239. Luật Phòng thủ dân sự năm 2023 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 68tr.; 19cm.

**344.5970535 L504P/M.0188750 - M.0188751;
MP.0043869; VN.0087010 - VN.0087011**

240. Luật Việc làm năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 64tr.; 19cm.

**344.59701 L504V/M.0188756 - M.0188757;
MP.0043872; VN.0087016 - VN.0087017**

241. Tìm hiểu Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024/ Phạm Thanh Hữu, Nguyễn Thành Trung. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 360tr.; 21cm.

**344.59702 T310H/M.0188469 - M.0188470;
MP.0043758; VN.0086894 - VN.0086895**

242. Weapons Law in Western Europe, 1550-2020/ Gunner Lind. - London: Routledge, 2025. - 227p.; 27cm.

344.24053 W200L/AV.0013539

345 – Luật hình sự

243. Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 480r.; 21cm.

**345.597 B450L/M.0188497 - M.0188498;
MP.0043771; VN.0086920 - VN.0086921**

244. Các chức năng tổ tụng hình sự cơ bản trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Đỗ Thị Phương chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 311tr.; 21cm.

**345.597 C101C/M.0188491 - M.0188492;
MP.0043768; VN.0086912 - VN.0086913**

245. Định tội danh các tội xâm phạm nhân thân sở hữu trong luật hình sự - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách chuyên khảo/ Chủ biên: Đoàn Đắc Chinh, Nguyễn Văn Thuyết, Bùi Văn Duy. - H.: Công an nhân dân, 2025. - 511tr.; 21cm.

345.59703 Đ312T/VN.0086918 - VN.0086919

246. Hoạt động bào chữa của luật sư trong các vụ án hình sự về tham nhũng ở Việt Nam hiện nay/ Nguyễn Thị Huyền Trang. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 324tr.; 21cm.

**345.597072 H411Đ/M.0188493 - M.0188494;
MP.0043769; VN.0086914 - VN.0086915**

247. Lưu ý trong giao dịch nhà ở - Cách phòng ngừa và xử lý rủi ro/ Phạm Thanh Hữu chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 223tr.; 21cm.

**345.5970436 L566Y/M.0188471 - M.0188472;
MP.0043759**

346 – Luật tư

248. Cốt lõi MA : Chiến lược - Hợp đồng - Tranh chấp/ Trương Hữu Nghĩa. - Tái bản có bổ sung. - H.: Công thương, 2025. - 332tr.; 24cm.

346.59707 C458L/VV.0022414 - VV.0022415

249. Kết hôn và chế độ tài sản của vợ chồng trong pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Bùi Minh Hồng chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 207tr.; 21cm.

**346.5970424 K258H/M.0188495 - M.0188496;
MP.0043770; VN.0086916 - VN.0086917**

250. Luật Biển Việt Nam năm 2012 (bổ sung năm 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 48tr.; 19cm.

**346.5970469164 L504B/M.0188752 - M.0188753;
MP.0043870; VN.0087012 - VN.0087013**

251. Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022, 2025). - Tái bản lần thứ 5 có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 300tr.; 19cm.

**346.59707 L504D/M.0188529 - M.0188530;
MP.0043785; VN.0086952 - VN.0086953**

252. Luật Đấu thầu năm 2023 (sửa đổi, bổ sung năm 2024, 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 176tr.; 19cm.

**346.597096 L504Đ/M.0188744 - M.0188745;
MP.0043866; VN.0087004 - VN.0087005**

253. Luật Phá sản năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 132tr.; 19cm.

**346.597078 L504P/M.0188780 - M.0188781;
MP.0043884; VN.0087040 - VN.0087041**

254. Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 76tr.; 19cm.

**346.597092 L504Q/M.0188762 - M.0188763;
MP.0043875; VN.0087022 - VN.0087023**

255. Luật Thanh niên năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 40tr.; 19cm.

**346.5970135 L504T/M.0188764 - M.0188765;
MP.0043876; VN.0087024 - VN.0087025**

347 – Thủ tục và tòa án

256. Bộ Luật Dân sự năm 2015. - Tái bản. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 350tr.; 21cm.

**347.597 B450L/M.0188499 - M.0188500;
MP.0043772; VN.0086922 - VN.0086923**

257. Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 447tr.; 21cm.

**347.597 B450L/M.0188473 - M.0188474;
MP.0043760; VN.0086896 - VN.0086897**

258. Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025). - H.: Lao động, 2025. - 539tr.; 19cm.

347.597 B450L/M.0188503 - M.0188504;
VN.0086926 - VN.0086927

259. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 112tr.; 19cm.

347.597 L504T/M.0188724 - M.0188725;
MP.0043856; VN.0086984 - VN.0086985

350 – Hành chính công và khoa học quân sự

260. Hệ sinh thái dữ liệu chính phủ mới cho doanh nghiệp Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Đặng Thị Việt Đức chủ biên; Nguyễn Thành Luân, Đặng Quan Trí. - H.: Thông tin và truyền thông, 2025. - 179tr.; 24cm.

354.09597 H250S/M.0188983 - M.0188984;
MP.0043975; VV.0022545 - VV.0022546

261. The Fragility of the Lebanese State/ Natalie Ann Ghosn, Hanna Samir Kassab. - Lanham: Lexington Books, 2024. - 188p.; 23cm.

353.4 Th200F/AV.0013489

355 – Khoa học quân sự

262. Bác Hồ với Quân đội nhân dân Việt Nam. - H.: Thông tin và truyền thông, 2025. - 194tr.; 24cm.

355.009597 B101H/M.0188445 - M.0188446;
MP.0043746; VV.0022378 - VV.0022379

263. Bộ đội Biên phòng tham gia phòng, chống truyền đạo trái pháp luật ở khu vực biên giới đất liền: Sách tham khảo/ Nguyễn Tiến Quý. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 160tr.; 21cm.

355.35109597

B450Đ/LC.0017784 - LC.0017785

- LC.0017786 - LC.0017787 - LC.0017788; M.0188806 -

M.0188807; MP.0043897; VN.0087050 - VN.0087051

264. Bộ đội địa phương tham gia xây dựng cơ sở chính trị - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng hiện nay: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 8229008/ Nguyễn Hữu Minh. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 141tr.; 30cm + Phụ lục

355.3709597

B450Đ/LV.0011156

265. Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng - Biên niên sự kiện (2011 - 2021)/ Biên soạn: Đinh Thế Cường, Văn Đức, Nguyễn Hoàng Nhiên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 544tr.; 22cm.

355.009597

B450T/VV.0022350 - VV.0022351

266. Bồi dưỡng khát vọng cống hiến cho học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở Học viện Phòng không - Không quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 8229008/ Phùng Tiến Dũng. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 133tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.0011150

267. Bồi dưỡng phẩm chất "liêm", "chính" cho học viên ngành quân sự cơ sở ở Trường Quân sự Quân khu 1 hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ Diệp Hồng Nhã. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 134tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597

B452D/LV.0011163

268. Bồi dưỡng phong cách làm việc khoa học của đội ngũ cán bộ đại đội quản lý học viên Học viện Hậu cần hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/

Vũ Quang Cường. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 146tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.0011189

269. Bồi dưỡng phong cách ứng xử Hồ Chí Minh cho đội ngũ sĩ quan trẻ ở Học viện Lục quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ Lê Đình Lâm. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 141tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.0011188

270. Chất lượng giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn ở Trường Sĩ quan Thông tin hiện nay: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ Phùng Tiến Nghĩa. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 131tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

3000/LV.0011198

271. Chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên ở Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ Mai Hồng Luận. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 135tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Ch124L/LV.0011180

272. Chất lượng giáo dục kỷ luật của học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Đặc công hiện nay: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ Đinh Vũ Mai Nam. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 122tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Ch124L/LV.0011197

273. Chất lượng nghiên cứu khoa học của học viên đào tạo cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay: Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ Nguyễn Văn Tài. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 134tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Ch124L/LV.0011115

274. Chất lượng tham gia xây dựng "thế trận lòng dân" của ban chỉ huy quân sự cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện

nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Từ Chí Tâm*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 140tr.; 30cm + Phụ lục

355.009597 Ch124L/LV.0011179

275. *Chất lượng thực hành đạo đức của đội ngũ giảng viên ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Đào Duy Hiệp*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 155tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597 Ch124L/LV.0011136

276. *China's Quest for Military Supremacy*/ Joel Wuthnow, Phillip C. Saunders. - Cambridge: Polity, 2025. - 244p.; 24cm.

355.033551 Ch311Q/AV.0013534

277. *Confronting the evolving global security landscape*: lessons from the past and present/ *Max G. Manwaring*. - New York: Bloomsbury Academic, 2024. - 173tr.; 24cm.. - (Praeger Security International)

355.033 C267t/AV.0013574

278. *Conscription as Subject of National Security*: Comparative Perspective in Europe at the Beginning of the 21st Century. - Wiesbaden: Springer VS, 2025. - 303p.; 21cm.. - (The Military and Social Research)

355.6 C431A/AN.0013285

279. *Công tác đào tạo sau đại học ở Viện Lịch sử quân sự/ Hồ Nhật Vũ chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2024. - 276tr.; 21cm.

355.00711597 C455T/LC.0017812 - LC.0017813; M.0187987 - M.0187988; VN.0086774 - VN.0086775

280. *Cuba, Africa, and Apartheid's End*: Africa's Children Return!/ *Issac Saney*. - Lanham: Lexington Books, 2023. - 315p.; 23cm.

355.031096 C505A/AV.0013536

281. *Đổi mới công tác giáo dục, rèn luyện kỷ luật cho hạ sĩ quan, binh sĩ ở các trung đoàn bộ binh trong quân đội hiện nay:* Luận án tiến sĩ xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước: 9310202/ *Nguyễn Ngọc Anh*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 190tr.; 30cm + Phụ lục
355.007597 Đ452M/LV.0011216

282. *Đổi mới công tác tổ chức phong trào thi đua quyết thắng ở Trường Quân sự Quân khu 7 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Văn Khả*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 141tr.; 30cm + Phụ lục
355.0071597 Đ452M/LV.0011131

283. *Đồng chí Trung Tướng Đồng Sỹ Nguyên - Nhà hoạt động thực tiễn xuất sắc của cách mạng Việt Nam, người con ưu tú của quê hương Quảng Bình:* Kỷ yếu Hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 844tr.; 24cm.
**355.0092597 Đ455C/M.0181791 - M.0181792;
MP.0040664; VV.0019668 - VV.0019669**

284. *Great Power Competition and Overseas Bases:* Chinese, Russian, and American Force Posture in The Twenty-First Century/ *Andrew Yeo, Isaac Kardon*. - Washington: Brookings Institution, 2024. - 226p.; 23cm.
355.7 Gr200P/AV.0013492

285. *Hoa nường - Điển hình tiên tiến phụ nữ Quân đội giai đoạn 2020 - 2025/ Biên soạn: Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thanh, Lê Thị Hải Vân.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 311tr.; 24cm.
**355.0082 H401N/M.0188400 - M.0188401;
VV.0022344 - VV.0022345**

286. *Hứng thú học tập của học viên sĩ quan ở các học viện Quân đội nhân dân Lào hiện nay:* Luận án tiến sĩ Tâm lý học:

9310401/ *Sổ Phay Kẹo Vi Lay*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 188tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711594

H556T/LV.0011226

287. *Japan's Defense Engagement in the Indo-Pacific: Deterrence, Strategic Partnership, and Stable Order Building/Nanae Baldauff*. - Cham: Springer, 2024. - 203p.; 23cm.

355.033

J109D/AV.0013467

288. *Khắc phục tác động của mặt trái kinh tế thị trường ở nước ta đến lối sống sĩ quan trẻ trong quân đội hiện nay*: Luận án tiến sĩ Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử: 9229002/*Phạm Hoàng Anh*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 194tr.; 30cm + Phụ lục

355.3309597

Kh113P/LV.0011229

289. *Kho K856 - Biên niên sự kiện (1976 - 2026)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 576tr.; 21cm.

355.809597

Kh400K/LC.0018039

290. *Kho K899 - Biên niên sự kiện (2005 - 2025)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 448tr.; 21cm.

355.809597

Kh400K/LC.0017825

291. *Lịch sử Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam/ Nguyễn Hoàng Nhiên chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 720tr.; 24cm.

T.1 : 1945 - 1954

355.009597

L302S/M.0189232 - M.0189233;

VV.0022647 - VV.0022648

292. *Lịch sử Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam/ Dương Hồng Anh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 892tr.; 24cm.

T.2 : 1954 - 1965

**355.009597 L302S/M.0189230 - M.0189231;
VV.0022645 - VV.0022646**

**293. Lịch sử Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam/
Trương Mai Hương chủ biên.** - H.: Quân đội nhân dân, 2025. -
856tr.; 24cm.

T.3 : 1965 - 1975

**355.009597 L302S/M.0189228 - M.0189229;
VV.0022643 - VV.0022644**

**294. Lịch sử Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam/
Lê Thanh Bài chủ biên.** - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 640tr.;
24cm.

T.4 : 1975 - 2005

**355.009597 L302S/M.0189226 - M.0189227;
VV.0022641 - VV.0022642**

**295. Lịch sử Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam/
Nguyễn Văn Sáu chủ biên.** - H.: Quân đội nhân dân, 2025. -
680tr.; 24cm.

T.5 : 2005 - 2025

**355.009597 L302S/M.0189224 - M.0189225;
VV.0022639 - VV.0022640**

**296. Lịch sử Đoàn 384 - Lữ đoàn 384 - Công ty Xây dựng 384
anh hùng.** - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 604tr.; 24cm.

355.009597 L302S/LCV.0003869

**297. Lịch sử Lữ đoàn Không quân 918 (1975 - 2025)/ Biên soạn:
Nguyễn Ngọc Hưng, Dương Chí Hùng.** - H.: Quân đội nhân dân,
2025. - 496tr.; 24cm.

**355.4009597 L302S/LCV.0003866; M.0188183
- M.0188184; MP.0043613; VV.0022302 - VV.0022303**

298. Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Quảng Bình -

Biên niên sự kiện (2011 - 2025). - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 576tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0018047

299. *Lịch sử lực lượng vũ trang Quân khu 7/ Hồ Sơn Đài chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2025; 24cm.

T.1: 1945 - 1975. - 600tr.

355.009597 L302S/LCV.0003872 - LCV.0003873

T.2: 1975 - 2025. - 612tr.

355.009597 L302S/LCV.0003874 - LCV.0003875

300. *Lịch sử Phòng Tham mưu Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tây Ninh (1946 - 2021)/ Phạm Công Chững chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 372tr.; 24cm.

355.009597 L302S/LCV.0003865

301. *Lịch sử quân sự thành phố Lai Châu (1950 - 2024).* - H.: Quân đội nhân dân, 2024. - 312tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0017826

302. *Lịch sử Trường Sĩ quan Công binh (1955 - 2025).* - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 488tr.; 22cm.

355.00711597 L302S/LC.0018042

303. *Lịch sử 70 năm quan hệ hợp tác quốc phòng Việt Nam - Liên Xô/Liên Bang Nga (1950 - 2020)/ Nguyễn Hoàng Nhiên chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2024. - 388tr.; 21cm.

**355.031095970947 L302S/LC.0017815 - LC.0017816;
M.0187909 - M.0187910; VN.0086732 - VN.0086733**

304. *Liệt sĩ Nguyễn Thăng Bình - Tình yêu và chiến trận.* - H.: Quân đội nhân dân, 2024. - 450tr.; 21cm.

**355.0092597 L308S/LC.0017809; M.0186713 -
M.0186714 - M.0186715; MP.0042964; VN.0086348 -
VN.0086349 - VN.0086350**

305. *Lối sống văn hóa của học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở Học viện Hậu cần hiện nay:* Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Vũ Thành Long*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 118tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

L452S/LV.0011125

306. *Minh Triết Hồ Chí Minh về lực lượng vũ trang/ Biên soạn:* *Nguyễn Như Ý, Đinh Xuân Dũng,....* - H.: Thông tin và truyền thông, 2025. - 250tr.; 24cm.. - (Minh triết Hồ Chí Minh - Tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta)

355.009597

M312T/M.0188422 - M.0188423 -

M.0188424; MP.0043738; VV.0022355 - VV.0022356 - VV.0022357

307. *Năng lực đấu tranh tư tưởng, lý luận của học viên ở Học viện Hải quân hiện nay:* Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Nguyễn Nhất Doãn*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 134tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

N116L/LV.0011126

308. *Năng lực huấn luyện quân sự của sĩ quan chỉ huy tham mưu binh chủng hợp thành cấp phân đội ở Sư đoàn 316, Quân khu 2 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ *Vũ Anh Tùng*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 130tr.; 30cm + Phụ lục

355.5409597

N116L/LV.0011196

309. *Năng lực kiểm soát cảm xúc trong thực hành bản đạn thật của học viên ở Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Tâm lý học: 8310401/ *Vũ Ngọc Tuấn*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 131tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

N116L/LV.0011174

310. *Năng lực phản biện khoa học trong đấu tranh tư tưởng, lý luận của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay:* Luận án tiến sĩ chủ nghĩa duy vật biện

chứng và duy vật lịch sử: 9229002/ *Nguyễn Huy Diễm*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 186tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

N116L/LV.0011220

311. *Năng lực phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của đội ngũ giảng viên ở Trường Cao đẳng Trinh sát hiện nay:* Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Tạ Văn Toan*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 140tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597

N116L/LV.0011119

312. *Năng lực sáng tạo của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở Học viện Phòng không - Không quân hiện nay:* Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Nguyễn Ngọc Cương*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 152tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

N116L/LV.0011123

313. *Năng lực tư duy biện chứng trong học tập của học viên ở Trường Sĩ quan Pháo binh hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Tâm lý học: 8310401/ *Quách Ngọc Tuấn*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 136tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

N116L/LV.0011172

314. *Nâng cao chất lượng giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay:* Luận án tiến sĩ chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử: 9229002/ *Điền Văn Dân*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 197tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

N122C/LV.0011218

315. *Nghiên cứu sản xuất vũ khí trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)/ Đỗ Văn Hinh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2024. - 468tr.; 21cm.

355.809597

Ngh305C/LC.0017805 - LC.0017806;

M.0187981 - M.0187982; VN.0086768 - VN.0086769

316. *Nhân cách của học viên đào tạo bác sĩ đa khoa ở Học viện Quân y hiện nay:* Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Nguyễn*

Hữu Thuy. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 137tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Nh121C/LV.0011121

317. *Nhân cách của học viên đào tạo cán bộ ngành quân sự cơ sở ở Trường Quân sự Quân khu 3 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Lê Bảo.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 131tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597

Nh121C/LV.0011117

318. *Nhận thức chính trị của học viên đào tạo cán bộ ngành quân sự cơ sở ở Trường Quân sự Quân khu 2 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Hoàng Mạnh Nam.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 125tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597

Nh121T/LV.0011133

319. *Nhân tố con người hạ sĩ quan, binh sĩ trong sức mạnh chiến đấu của trung đoàn bộ binh hiện nay:* Sách chuyên khảo/ *Trần Văn Hùng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 208tr.; 21cm.

355.33809597

Nh121T/LC.0018050

320. *Nhu cầu chấp hành kỷ luật của học viên đào tạo ngành quân sự cơ sở ở Trường Quân sự Quân khu 5 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Tâm lý học: 8310401/ *Võ Thành Trung.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 155tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597

Nh500C/LV.0011145

321. *Nhu cầu học tập của học viên ở Trường Cao đẳng Kỹ thuật thông tin hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Tâm lý học: 8310401/ *Lê Văn Nhuận.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 136tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597

Nh500C/LV.0011173

322. *Những cánh thư ra Bắc vào Nam:* Chuyện về những bức thư của gia đình Đại tướng Nguyễn Chí Thanh/ *Vũ Công Lập, Bùi*

Chí Trung. - Tái bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 244tr.; 24cm.

355.0092597

Nh556C/LCV.0003684 -

LCV.0003685; M.0188812 - M.0188813; MP.0043900;

VV.0022473 - VV.0022474

323. *Nuclear Alliance Restraint: Success and Failure in Countering Allied Proliferators/ Dong Sun Lee, Iordanka Alexandrova*. - London: Routledge, 2025. - 184p.; 23cm.

355.0217

N506A/AV.0013538

324. *Phát huy dân chủ trong môi trường xây dựng văn hóa ở Trường Sĩ quan Pháo binh hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 8229008/ *Nguyễn Hải Đăng*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 151tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Ph110H/LV.0011147

325. *Phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ chủ trì thộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Hồ Lê Long Bảo*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 153tr.; 30cm + Phụ lục

355.009597

Ph110H/LV.0011167

326. *Phát huy trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ chủ trì ở Trường Quân sự Quân khu 1 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Tiến Lâm*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 134tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597

Ph110H/LV.0011140

327. *Phát huy truyền thống bộ đội thông tin liên lạc trong xây dựng nhân cách học viên ở Trường Cao đẳng Kỹ thuật thông tin hiện nay*: Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Đặng Anh Bắc*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 129tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597

Ph110H/LV.0011116

328. Phát triển đạo đức nhà giáo của học viên đào tạo giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở Học viện Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ Nguyễn Quang Bón. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 137tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Ph110T/LV.0011128

329. Phát triển năng lực khai thác thông tin của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các học viện, trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam: Luận án tiến sĩ chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử: 9229002/ Nguyễn Văn Bách. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 188tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Ph110T/LV.0011217

330. Phát triển nguồn lực sĩ quan người dân tộc thiểu số ở Quân khu 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 8229008/ Nguyễn Đăng Hậu. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 148tr.; 30cm + Phụ lục

355.2209597

Ph110T/LV.0011149

331. Phát triển phẩm chất chính trị của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận án tiến sĩ Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử: 9229002/ Nguyễn Văn Nhất. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 195tr.; 30cm + Phụ lục

355.3309597

Ph110T/LV.0011219

332. Quản lý đổi mới phương pháp dạy học ở Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng theo hướng phát triển năng lực học viên: Luận văn thạc sĩ Quản lý giáo dục: 8140114/ Nguyễn Ích Cừ. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 146tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597

Qu105L/LV.0011152

333. Quản lý hoạt động học tập của học viên ngành quân sự cơ sở ở Trường Quân sự Quân khu 3 hiện nay: Luận văn thạc sĩ

Quản lý giáo dục: 8140114/ Nguyễn Văn Quý. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 34tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597

Qu105L/LV.0011153

334. Quản lý hoạt động học tập cuối khóa của học viên ở Trường Sĩ quan Chính trị đáp ứng tiêu chuẩn đầu ra: Luận văn thạc sĩ Quản lý giáo dục: 8140114/ Đỗ Nguyễn Kim. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 144tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Qu105L/LV.0011154

335. Quản lý quan hệ xã hội của sĩ quan trẻ ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 8229008/ Lê Xuân Thanh. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 135tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Qu105L/LV.0011148

336. Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn ở Trường Sĩ quan Chính trị đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số: Luận văn thạc sĩ Quản lý giáo dục: 8140114/ Nguyễn Văn Vĩ. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 144tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Qu105L/LV.0011151

337. Tài liệu tuyên truyền lịch sử 70 năm quan hệ hợp tác quốc phòng Việt Nam - Liên Xô/Liên Bang Nga (1950 - 2020)/ Nguyễn Hoàng Nhiên chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2024. - 240tr.; 21cm.

355.031095970947

T103L/LC.0017817 - LC.0017818;

M.0187911 - M.0187912; VN.0086734 - VN.0086735

338. The new nuclear age: At the precipice of Armageddon/ Ankit Panda. - Cambridge: Polity, 2025. - 269tr.; 22cm.

355.0217

Th200N/AV.0013567

339. Thủ trưởng Bộ tư lệnh và sĩ quan cấp tướng Quân khu 9 (1945 - 2025). - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 420tr.; 30cm.

355.00922597
LCV.0003877

Th500T/LCV.0003876 -

340. Tính chủ động học tập của học viên ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ Tâm lý học: 8310401/ Vũ Hoàng Sơn. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 162tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

T312C/LV.0011175

341. Tính tích cực chính trị của giảng viên trẻ nhà trường quân đội trong đấu tranh tư tưởng, lý luận trên không gian mạng hiện nay: Luận án tiến sĩ chủ nghĩa xã hội khoa học: 9229008/ Lưu Ngọc Công. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 178tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

T312T/LV.0011228

342. Trọn một con đường: Hồi ký/ Đồng Sĩ Nguyên; Duy Tường thể hiện. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 680tr.; 24cm.

355.0092597

Tr429M/LCV.0002820 -

LCV.0002821

343. Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên - Tư lệnh bộ đội Trường Sơn/ Đồng Sĩ Nguyên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 204tr.; 25cm.

355.0092597

Tr513T/LCV.0002824 -

LCV.0002825

344. Trường Sĩ quan Chính trị - Nửa thế kỷ đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội - Thành tựu và kinh nghiệm. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 652tr.; 24cm.

355.00711597

Tr561S/LCV.0003870

345. Trường Sơn và đất nước/ Đồng Sĩ Nguyên. - H.: Thanh niên, 2016. - 118tr.; 21cm.

355.009597/.0080100 - .0080101; M.171547 - M.171548 - M.171549

346. *Tuyển tập/ Đồng Sĩ Nguyên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022.
- 600tr.; 24cm.

**355.0092597 T527T/LCV.0002822 -
LCV.0002823**

347. *Tự đánh giá phẩm chất của học viên ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Tâm lý học: 8310401/*Hoàng Quốc Việt.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 158tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597 T550Đ/LV.0011171

348. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa chính trị với quân sự và xây dựng quân đội về chính trị:* Sách chuyên khảo/*Nguyễn Hữu Lập chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 200tr.; 21cm.

**355.009597 T550T/LC.0017769 - LC.0017770;
M.0188804 - M.0188805; MP.0043896; VN.0087048 -
VN.0087049**

349. *Urban Warfare in the Twenty-First Century.* - 2nd Edition.
- Cambridge: Policy, 2025. - 292p.; 23cm.

355.426 U521W/AV.0013541

350. *Vai trò của công đoàn trong bồi dưỡng, rèn luyện đoàn viên công đoàn ở nhà trường quân đội hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 8229008/*Đỗ Cao Quý.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 121tr.; 30cm + Phụ lục

355.007597 V103T/LV.0011159

351. *Vai trò của đội ngũ giáo viên trong định hướng chính trị cho học viên ở Trường Quân sự Quân khu 3 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/*Phạm Công Minh.* - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 146tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597 V103T/LV.0011199

352. Vai trò của sĩ quan cấp phân đội Sư đoàn 395, Quân khu 3 trong đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng hiện nay: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 8229008/ *Trần Hải Đức*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 117tr.; 30cm + Phụ lục

355.009597 V103T/LV.0011177

353. Vai trò đội ngũ giảng viên các nhà trường Quân đội trong bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Đỗ Văn Trường*. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 160tr.; 21cm.

**355.00711597 V103T/LC.0017741 - LC.0017742;
M.0188796 - M.0188797; MP.0043892; VN.0087044 -
VN.0087045**

354. Văn hóa ứng xử của học viên đào tạo sĩ quan hậu cần ở Học viện Hậu cần Quân đội nhân dân Lào hiện nay: Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Séng Thoong Sỉ Cuôn Khăm*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 118tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711594 V115H/LV.0011132

355. Vận dụng quan điểm thực tiễn trong đào tạo hạ sĩ quan ở Trường Quân sự Quân khu 1 hiện nay: Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Đoàn Anh Tuấn*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 137tr.; 30cm + Phụ lục

355.0071597 V121D/LV.0011134

356. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về bộ đội Phòng phòng không - Không quân trong đào tạo sĩ quan ở Học viện Phòng không - Không quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Nguyễn Văn Thuyên*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 121tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597 V121D/LV.0011161

357. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau trong đào tạo chính ủy trung (lữ) đoàn ở Học

viện Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Nguyễn Văn Long*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 141tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

V121D/LV.0011162

358. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phẩm chất người chính trị viên trong đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Đình Văn Cảnh*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 125tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

V121D/LV.0011170

359. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa văn nghệ ở Trường Sĩ quan Tăng Thiết giáp hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Nguyễn Văn Mùi*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 127tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

V121D/LV.0011160

360. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về y đức trong đào tạo bác sĩ y khoa ở Học viện Quân y hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Chu Văn Thượng*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 136tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

V121D/LV.0011169

361. Xây dựng đảng bộ các đơn vị quản lý học viên ở Học viện Hậu cần hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Hoàng Văn Tài*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 146tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

X126D/LV.0011164

362. Xây dựng lối sống mới của học viên ở Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Đỗ Văn Quảng*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 150tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

X126D/LV.0011168

363. Xây dựng mối quan hệ đoàn kết quốc tế Việt Nam - Lào - Campuchia cho học viên ở Học viện Lục quân hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Ngô Minh Đức*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 138tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

X126D/LV.0011165

364. Ý thức đấu tranh với quan điểm thù địch trên không gian mạng của học viên đào tạo sĩ quan chính trị cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Vũ Việt Anh*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 132tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Y600T/LV.0011127

365. Ý thức nghề nghiệp của học viên đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu không quân ở Trường Sĩ quan Không quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Lê Văn Thái*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 135tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Y600T/LV.0011122

366. Ý thức nghiên cứu khoa học của học viên đào tạo sĩ quan chính trị cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ *Tào Văn Phương*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 126tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Y600T/LV.0011120

367. Ý thức phòng, chống suy thoái về đạo đức của sĩ quan trẻ quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay: Luận án tiến sĩ Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử: 9229002/ *Phạm Văn Long*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 184tr.; 30cm + Phụ lục

355.3309597

Y600T/LV.0011227

368. Ý thức xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện "mẫu mực, tiêu biểu" của học viên ở Học viện Chính trị hiện nay: Luận văn

thạc sĩ triết học: 8229001/ *Nguyễn Hải Hà*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 138tr.; 30cm + Phụ lục

355.00711597

Y600T/LV.0011124

356 – Lực lượng bộ binh và cuộc chiến

369. *Kỷ yếu Trung đoàn Bộ binh 738 (1981 - 2021)/ Lê Hồng Điệp chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 112tr.; 24cm.

356.109597

K600Y/LCV.0003867 - LCV.0003868

370. *Lịch sử Trung đoàn bộ binh 165 - Thành Đồng Biên Giới (1946 - 2026).* - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 644tr.; 22cm.

356.109597

L302S/LC.0018040

371. *Lịch sử trung đoàn bộ binh 64 trung đoàn Vĩnh Định (1946 - 2026).* - H.: Quân đội nhân dân, 2026. - 592tr.; 22cm.

356.109597

L302S/LC.0018041

358 – Lực lượng không quân và chuyên biệt khác và cuộc chiến; quân chủng kỹ thuật và có liên quan

372. *Chất lượng công tác quản lý tư tưởng ở các lữ đoàn thuộc Binh chủng Công binh hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Lưu Văn Duy*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 139tr.; 30cm + Phụ lục

358.2309597

Ch124L/LV.0011185

373. *Lịch sử Lữ đoàn Công binh 25 Quân khu 9 (1975 - 2025).* - Tái bản có chỉnh sửa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 396tr.; 24cm.

358.2309597

L302S/LCV.0003871

374. *Lịch sử Nhà máy sửa chữa tên lửa A31 (1966 - 2026).* - H.: Quân đội nhân dân, 2026. - 496tr.; 22cm.

358.009597 L302S/LC.0018044

375. Lịch sử Trung tâm Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng (1965 - 2025). - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 460tr.; 21cm.

358.009597 L302S/LC.0018043

376. Năng lực quản lý của sĩ quan cấp phân đội ở các lữ đoàn pháo binh trong Binh chủng Pháo binh hiện nay: Luận văn thạc sĩ triết học: 8229001/ Hoàng Mạnh Linh. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 132tr.; 30cm + Phụ lục

358.1209597 N116L/LV.0011118

377. Năng lực thực hành dân chủ của công nhân trong các doanh nghiệp Quân chủng Phòng không - Không quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 8229008/ Đỗ Văn Lự. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 121tr.; 30cm + Phụ lục

358.4009597 N116L/LV.0011158

378. Những năm tháng vì bầu trời Tổ quốc/ Phương Minh Hòa. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021. - 743tr.; 24cm.

358.4009597 Nh556N/M.0188399; VV.0022342 - VV.0022343

379. Phi công chiến đấu Việt Nam - Những cánh chim bất tử/ Từ Phương Thảo chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 20. - 121tr.; 20cm.

358.400922597 Ph300C/M.0188412

359 – Lực lượng trên biển và cuộc chiến

380. Chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ ở các nhà giàn DK1, Vũng 2, Quân chủng Hải quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ Hoàng Quốc Nhân. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 133tr.; 30cm + Phụ lục

359.009597 Ch124L/LV.0011187

381. *Lịch sử Nhà máy X48 Hải quân (1965 - 2025)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 288tr.; 21cm.

359.009597 L302S/LC.0017819

382. *Nâng cao năng lực công tác của đội ngũ chính trị viên tàu ở các lữ đoàn tàu mặt nước, Quân chủng Hải quân hiện nay*: Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước: 9310202/ *Phạm Vũ Hiệp*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 182tr.; 30cm + Phụ lục

359.109597 N122C/LV.0011221

383. *Planning for War at Sea: 400 years of Great Power Competition/ Evan Wilson, Paul Kennedy*. - Annapolis, MD: Naval Institute, 2025. - 390p.; 24cm.

359.009 P1107F/AV.0013469

384. *Principles of Maritime Power/ Bruce A. Elleman*. - Lanham: Rowman Littlefield, 2022. - 220p.; 23cm.

359.03 Pr311O/AV.0013519

385. *Xây dựng bản lĩnh chính trị cho hạ sĩ quan, binh sĩ ở Nhà giàn DK1, Vùng 2 hải quân hiện nay*: Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 8310202/ *Trương Xuân Thắng*. - H.: Học viện Chính trị, 2025. - 147tr.; 30cm + Phụ lục

359.009597 X126D/LV.0011129

361 – Vấn đề và phúc lợi xã hội

386. *Manipulated: Inside the Cyberwar to Hijack Elections and Distort the Truth/ Theresa Payton*. - Lanham: Rowman Littlefield, 2024. - 223p.; 24cm.

361.4 M107/AV.0013494

387. *Social Cohesion and Welfare States: From Fragmentation To Social Peace/ Christopher Lloyd, Matti Hannikainen.* - London: Routledge, 2022. - 217p.; 24cm.. - (Perspectives in Economic and Social History)

361.65 S419C/AV.0013556

362 – Vấn đề và dịch vụ xã hội cho nhóm người

388. *Người giữ thời gian: Bí quyết giúp cha mẹ an nhiên tuổi vàng/ Lê Thị Thanh Lâm.* - H.: Thế giới, 2025. - 195tr.; 21cm.

**362.61 Ng558G/M.0189033 - M.0189034;
MP.0043994**

389. *Những vấn đề chung trong xây dựng Bộ chỉ số an sinh quốc gia: Sách chuyên khảo/ Phí Vĩnh Trường chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 892tr.; 24cm.

**362.9597 Nh556V/M.0188651 - M.0188652;
VV.0022426 - VV.0022427**

390. *Refugees' Europe: Towards an Inclusive Democracy/ Cristina Astier, Ander Errasti.* - Lanham: Rowman Littlefield, 2021. - 158p.; 23cm.

362.87 R201E/AV.0013516

391. *Thực hành chăm sóc sức khỏe ban đầu của người Hmông ở Đồng Văn - Hà Giang hiện nay: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Lê chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 236tr.; 21cm.

**362.12 Th552H/M.0188711 - M.0188712;
MP.0043851; VN.0086974 - VN.0086975**

363 – Vấn đề và dịch vụ xã hội khác

392. *Al-Qaedaism in the Context of Civil War: The Nexus*

between Terrorism and Support/ *Hakan Kiyici*. - Lanham: Lexington Books, 2024. - 221p.; 23cm.

363.325 A000I/AV.0013512

393. *Emerging security challenges*: American jihad, terrorism, civil war, and human rights/ *Seung-Whan Choi*. - Paperback edition. - New York: Bloomsbury Academic, 2024. - 300tr.; 23cm. - (Praeger Security International)

363.3250973 E202S/AV.0013569

394. *Engineering and Governing the Climate*: Ethical and Political Issues/ *Xavier Lander*. - Lanham: Rowman Littlefield, 2024. - 261p.; 24cm.

363.7 E204A/AV.0013500

395. *Geoengineering Discourse Confronting Climate Change*: The Move from Margins to Mainstream in Science, News, Media, and Politics/ *Brynna Jacobson*. - Lanham: Lexington Books, 2022. - 269p.; 24cm.

363.73874 G205D/AV.0013518

396. *Geopolitics at the Internet's Core*/ *Fiona M. Alexander, Laura DeNardis, Nanette S. Levinson...*. - Cham: Palgrave Macmillan, 2025. - 245p.; 22cm.. - (Information Technology and Global Governance)

363.34 G205A/AV.0013465

397. *Terrorist Criminal Enterprises*: Financing Terrorism through Organized Crime/ *Kimberley L. Thachuk, Rollie Lal*. - New York: Bloomsbury Academic, 2024. - 212p.; 23cm.

363.325 T206C/AV.0013490

398. *Trách nhiệm của tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường tại Việt Nam hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thị Lan Hương chủ biên*. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 248tr.; 21cm.

363.709597 Tr102N/M.0188699 - M.0188700;
MP.0043845; VN.0086962 - VN.0086963
364 – Hình sự học

399. *A New Counterterrorism Strategy: Why the World Failed to Stop AL Qaeda and ISIS/ISIL, and How to Defeat Terrorists/ Ambassador T. Hamid Al-Bayati.* - New York: Bloomsbury Academic, 2017. - 280p.; 24cm.. - (Praeger Security International)
365.325 A100N/AV.0013498

400. *Gián điệp mạng: Cuộc rượt đuổi ngoạn mục trong mê lộ máy tính/ Clifford Stoll; Lê Vũ Kỳ Nam dịch.* - H.: Công thương, 2018. - 513tr.; 24cm.
364.1680973 Gi-105Đ/M.0189236 - M.0189237

401. *Lịch sử tổ chức Mafia/ Gaetano Falzone; Mai Yên Thi dịch.* - Huế: Thuận Hóa, 2025. - 405tr.; 24cm.
364.106 L302S/M.0188611 - M.0188612;
VV.0022404 - VV.0022405

370 – Giáo dục

402. *Đột phá trong giảng dạy và nghiên cứu cùng trí tuệ nhân tạo/ Đỗ Văn Hùng chủ biên.* - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 410tr.; 24cm.
371.3 Đ458P/M.0188406

403. *Khung năng lực trí tuệ nhân tạo dành cho sinh viên/ Đỗ Văn Hùng chủ biên.* - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 66tr.; 24cm.
378 Kh513N/M.0188405

404. *Nâng cao lối sống văn hóa của sinh viên ngoại trú các trường đại học hiện nay: Sách chuyên khảo/ Lưu Mai Hoa.* - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 148tr.; 21cm.

370.114

N122C/LC.0017822

405. Phương pháp giáo dục hiệu quả: Đáp ứng những thay đổi trong quá trình phát triển của học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông/ *David Strahan, Jeanneine Jones...*; Nguyễn Thị Hà Trang dịch. - H.: Đại học Sư phạm, 2025. - 320tr.; 24 cm

373.236

Ph561P/M.0189389 - M.0189390;

VV.0022692 - VV.0022693

406. Tâm lý học giáo dục/ Rudolf Pintner, John J.Ryan,... Trần Lê Gia Nguyên dịch. - H.: Tri thức, 2023. - 419tr.; 20cm.

370.15

T120L/M.0188933 - M.0188934;

VN.0087080 - VN.0087081

407. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập và nghề nghiệp/ Đỗ Văn Hùng chủ biên. - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 483tr.; 24cm.

371.3

U556D/M.0188407

380 – Thương mại, truyền thông, vận tải

408. Giao thương thời tiền sử ở miền Trung Việt Nam: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Ngọc Quý chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 288tr.; 24cm.

382.095974

Gi-108T/M.0188665 - M.0188666;

MP.0043835; VV.0022440 - VV.0022441

409. Internet Diplomacy: Shaping the Global Politics of Cyberspace/ *Meryem Marzouki, Andrea Calderaro.* - Lanham: Rowman Littlefield, 2022. - 271p.; 23cm.

384.3

I-312D/AV.0013510

390 – Phong tục, nghi thức, văn hóa, dân gian

410. *Nếp cũ: Xã hội Việt Nam - Lá rụng về cội: Nếp cũ/ Toan Ánh.* - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2025. - 572tr.; 23cm.

**390.09597 N257C/M.0188856 - M.0188857;
VV.0022493 - VV.0022494**

411. *Sáng chế truyền thống trong lễ hội ở một làng miền Bắc đương đại:* Sách chuyên khảo/ Nguyễn Giáo chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 200tr.; 21cm.

**390.09597 S106C/M.0188707 - M.0188708;
MP.0043849; VN.0086970 - VN.0086971**

600 – CÔNG NGHỆ

412. *Lược sử khoa học và kỹ thuật Việt Nam tiền hiện đại/ Trần Trọng Dương, Phạm Vũ Lộc, Nguyễn Ngọc Phương Đông.* - H.: Đại học Sư phạm, 2025. - 432tr.; 24cm

**609 L557S/M.0189391 - M.0189392; MP.0044129;
VV.0022694 - VV.0022695**

610 – Y học và y tế

413. *Cẩm nang sinh tồn = The worst-case scenario survival handbook:* Những kỹ năng thoát hiểm phải biết trước khi quá muộn/ Joshua Piven, David Borgenicht; Lê Vũ Tuệ Nương dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Thế giới, 2025. - 326tr.; 21cm. - (Tủ sách do doanh nhân Nguyễn Hoài Nam tuyển chọn)

613.69 C120N/M.0189359 - M.0189360

414. *Lịch sử y học cổ truyền và nhà thuốc Trung - Việt/ Albert Sallet, Dương Bá Bành; Mai Yên Thi dịch.* - Huế: Thuận Hóa, 2025. - 342tr.; 24cm

**615.88 L302S/M.0189429 - M.0189430;
VV.0022710 - VV.0022711**

415. Lý thuyết trò chơi và phụ nữ thông thái - Đấu trí trong hôn nhân/ Biên soạn: Thanh Hương, Thanh Hà. - H.: Văn học, 2026. - 195tr.; 24cm

**646.78 L600T/M.0189802 - M.0189803;
MP.0044320**

416. *The Origins of Aegis*: Eli T. Reich, Wayne Meyer, and The Creation of a Revolutionary Naval Weapons System/ *Thomas Wildenberc*. - Annapolis, MD: Naval Institute, 2024. - 262p.; 23cm.

623.4 Th200O/AV.0013479

417. *Truyền thông vệ tinh, truyền thông 3D trong mạng 5G, 6G/ Nguyễn Phạm Anh Dũng*. - H.: Thông tin và truyền thông, 2024. - 288tr.; 27cm.

**621.3825 Tr527T/M.0188977 - M.0188978;
MP.0043973; VV.0022539 - VV.0022540**

650 – Quản lý và dịch vụ phụ trợ

418. *Đạo làm giàu/ Biên soạn: Dương Thu Ái, Dương Chí Kiên*. - H.: Lao động, 2025. - 271tr.; 19cm.. - (Đạo lý cổ nhân)

**650.1 Đ108L/M.0188567 - M.0188568;
MP.0043802**

419. *Đi tìm vùng tối ưu*: Cách duy trì sự xuất sắc cho cá nhân và tổ chức mỗi ngày/ *Daniel Goleman, Cary Cherniss; Trịnh Huy Nam dịch*. - H.: Thế giới, 2025. - 322tr.; 24cm.

650.1 Đ300T/M.0188997 - M.0188998

420. *6 nguyên tắc vàng phát triển cá nhân/ Brian Tracy; Phúc Thành dịch*. - H.: Lao động, 2025. - 327tr.; 21cm.

650.1 S111N/M.0189039 - M.0189040

658 – Quản lý chung

421. Bản đồ chiến lược = Strategy Maps: Biến tài sản vô hình thành kết quả hữu hình/ *Robert S. Kaplan, David P. Norton;* *Ng. dịch: Phan Thị Công Minh, Vũ Minh Tú.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2024. - 497tr.; 23cm.

658.4012 B105Đ/M.0189061 - M.0189062;
MP.0044001; VV.0022561 - VV.0022562

422. Những cuộc đối đầu thông minh: chiến lược sống còn của doanh nghiệp truyền thống trước làn sóng công nghệ/ *Feng Zhu, Bonnie Yining Cao; Saigon Books dịch.* - H.: Thế Giới, 2025. - 211tr.; 21cm

658.575 Nh556C/M.0189357 - M.0189358;
MP.0044122

423. Những người dẫn lối = Master Mentors: Tinh hoa trí tuệ từ 30 nhân vật tầm vóc giúp thay đổi chiều sâu bên trong bạn/ *Scott Jeffrey Miller; Trịnh Hoàng Kim Phượng dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2024. - 272tr.; 23cm.. - (Tủ sách Doanh trí)

658.4092 Nh556N/M.0189059 - M.0189060;
MP.0044000

424. Quản lý nhân sự trong thời đại công nghệ: Tiếp thu những kỹ thuật đổi mới, nắm bắt cơ hội chuyển mình, sẵn sàng thích nghi và tổ chức doanh nghiệp hiệu quả trong thị trường hiện đại/ *Peter F. Drucker; Thảo Hà dịch.* - H.: Công thương, 2025. - 299tr.; 21cm.

658.3 Qu105L/M.0189041 - M.0189042

425. Tinh hoa kỹ năng đào tạo và truyền cảm hứng/ Như Fenty. - H.: Công thương, 2024. - 264tr.; 21cm.

658.45 T312H/M.0189023 - M.0189024;
MP.0043990

426. Tư duy hệ thống trong nền kinh tế kết nối: Lập kế hoạch và

xây dựng chiến lược tư duy kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong kỷ nguyên biến động và cạnh tranh/ *Peter F. Drucker; Nguyễn Oanh dịch.* - H.: Công thương, 2025. - 1994tr.; 21cm.

658 T550D/M.0189043 - M.0189044

427. Văn hóa quản trị chất Việt - Từ kiên cường tới thịnh vượng/ Đỗ Thùy Dương. - H.: Thế giới, 2025. - 212tr.; 24cm.. - (Tủ sách "Bản đồ quản trị Việt")

658 V115H/M.0189055 - M.0189056; MP.0043999; VV.0022559 - VV.0022560

700 – NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

428. Điên rồ và hoàn mỹ: Những câu chuyện chưa kể về Pink Floyd/ *Nick Mason; Thảo Tâm dịch.* - H.: Thế giới, 2025. - 468tr.; 24cm

782.421660922 Đ305R/M.0189415 - M.0189416

429. Hội họa siêu thực/ René Passeron; Chiến Kiệt dịch. - H.: Dân trí, 2024. - 434tr.; 21cm.

759.0663 H452H/M.0188917 - M.0188918; MP.0043954; VN.0087074 - VN.0087075

430. Nhìn vào hội họa hiện đại. - H.: Mỹ thuật, 2023. - 248tr.; 29cm.

759.06 Nh311V/M.0188967 - M.0188968; VV.0022531 - VV.0022532

431. Mỹ thuật Hué nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí/ Nguyễn Hữu Thông. - H.: Thế giới, 2023. - 307tr.; 24cm.

709.59749 M600T/M.0188971 - M.0188972; VV.0022533 - VV.0022534

432. Ý nghĩa của Mariah Carey/ Mariah Carey, Michaela Angela Davis; Ray Đoàn Huy dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 415tr.; 24cm

**782.42092 Y600N/M.0189794 - M.0189795;
MP.0044316 - MP.0044317**

800 - VĂN HỌC & TU TỪ HỌC

433. *Bài ca về bông hoa màu lửa*: Tiểu thuyết/ *Johannes Linnakoski; Bùi Việt Hoa dịch*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 315tr.; 24cm.

**894.5413 B103C/M.0188347 - M.0188348;
MP.0043702**

434. *Cuốn sách xanh ở Nebo*: The Blue Book of Nebo/ *Manon Steffan Ros; Phạm Hoa Phượng dịch*. - H.: Thế Giới, 2024. - 158tr.; 21cm

823 C517S/M.0189343 - M.0189344; MP.0044112

435. *Loan - Từ cuộc đời của một con chim Phượng hoàng*/ *Isabelle Müller; Trương Hồng Quang dịch*. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 448tr.; 20cm

**833.92 L406/M.0189349 - M.0189350;
MP.0044114**

436. *Những kẻ mê sách*/ *Emily Henry; Lan Young dịch*. - H.: Nxb. Hà Nội, 2024. - 459tr.; 24cm.

**813.6 Nh556K/M.0188858 - M.0188859;
MP.0043923**

437. *Những thủ lĩnh triều cát*/ *Jorge Amado; Thiên Nga dịch*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 385tr.; 21cm.

**869.342 Nh556T/M.0188868 - M.0188869;
MP.0043926**

438. *Người tình của phu nhân Chatterley/ D. H. Lawrence; Nguyễn Nguyễn Nguyễn dịch.* - H.: Văn học, 2021. - 419tr.; 24cm

823.912 Ng558T/M.0189810 - M.0189811;

MP.0044324

439. *Rumi Nhà huyền môn và kẻ say/ Coleman Barks; Hà Thủy Nguyễn dịch.* - H.: Văn học, 2023. - 307tr.; 21cm

Thư viện Quân đội

891.551 R511N/M.0189337 - M.0189338;

MP.0044109

440. *Sát thủ chim én/ Morgan Audic; Hoàng Anh dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 537tr.; 24cm.

843.92 S110T/M.0188343 - M.0188344;

MP.0043700

441. *Sự tương đồng giữa Goethe và Tolstoy/ Thomas Mann; Trương Công Thành dịch.* - H.: Thanh niên, 2023. - 254tr.; 20cm.

801.9 S550T/M.0188931 - M.0188932

442. *Tuyển tập truyện kinh dị của Edgar Poe/ Edgar Poe; Võ Thị Thu Thảo dịch.* - H.: Thanh niên, 2023. - 422tr.; 24cm.

813 T527T/M.0188969 - M.0188970; MP.0043971

443. *Vạn Xuân: Tiểu thuyết lịch sử/ Yveline Féray; Nguyễn Khắc Dương dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2024; 24cm.

T.1. - 530tr.

843.914 V105X/M.0188353 - M.0188354;

VV.0022336 - VV.0022337

T.2. - 586tr.

843.914 V105X/M.0188351 - M.0188352;

VV.0022334 - VV.0022335

444. *Văn học như một diễn ngôn: Lí thuyết diễn ngôn của M.*

Foucault và văn học sử Việt Nam/ *Trần Văn Toàn*. - In lần thứ 3. - H.: Đại học Sư phạm, 2025. - 452tr.; 24cm

809 V115H/M.0189393 - M.0189394; VV.0022696 - VV.0022697

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể khác

895 – Văn học Đông Á và Đông Nam Á

445. *Băng qua đại dương đen/ Trương Gia Giai; Nguyễn Thanh Hương dịch.* - H.: Dân trí, 2025. - 301tr.; 21cm.

**895.136 B116Q/M.0188575 - M.0188576;
MP.0043807 - MP.0043808**

446. *Chuyện phố: Tiểu thuyết/ Phạm Quang Long.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 450tr.; 24cm.

**895.92234 Ch527P/M.0188339 - M.0188340;
MP.0043699**

447. *Chữ và người, 400 năm....*: Tiểu thuyết lịch sử/ *Hoàng Minh Tường.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 420tr.; 24cm.

**895.92234 Ch550V/M.0188627 - M.0188628;
MP.0043824**

448. *Có một trung đội thơ văn:* Tiểu luận - Phê bình/ *Mai Nam Thắng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 200tr.; 21cm.

**895.92209 C400M/LC.0018103 - LC.0018104;
M.0188786 - M.0188787; MP.0043887**

449. *Cô bé nhìn mưa/ Đặng Thị Hạnh.* - In lần thứ 3. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2023. - 351tr.; 24cm.

**895.9228403 C450B/M.0188345 - M.0188346;
MP.0043701**

450. Cô gái đến từ hôm qua: Truyện dài/ *Nguyễn Nhật Ánh*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2025. - 224tr.; 24cm.

**895.922334 C450G/M.0188848 - M.0188849;
MP.0043922**

451. Đẳng là nguồn sáng: Thơ/ *Xuân Hương*. - H.: Hội nhà văn, 2025. - 175tr.; 21cm.

895.92214 Đ106L/M.0188413 - M.0188414

452. Đặng Thùy Trâm và cuốn nhật ký thứ ba/ Đặng Kim Trâm biên soạn. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 383tr.; 24cm.

**895.9228403 Đ116T/M.0188437 - M.0188438;
MP.0043743; VV.0022370 - VV.0022371**

453. Đen vỏ đỏ lòng: Truyện tình báo/ *Mai Thanh Hải*. - Xuất bản lần thứ 1. - Huế: Thuận Hóa, 2025. - 411tr.; 24cm

Thư viện Quân đội

**895.92234 Đ203V/M.0189431 - M.0189432;
MP.0044139 - MP.0044140**

454. Đồi bờ sông Mã: Tiểu thuyết/ *Viên Lan Anh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 280tr.; 21cm.

**895.92234 Đ452B/LC.0017745 - LC.0017746;
M.0188792 - M.0188793; MP.0043890**

455. Đường bay của mảnh đạn: Tập truyện ngắn/ *Vũ Thị Huyền Trang*. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 176tr.; 21cm.

**895.92234 Đ561B/LC.0017719 - LC.0017720;
M.0188784 - M.0188785; MP.0043886**

456. Hai chồng: Tiểu thuyết/ *Hoàng Dự*. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 200tr.; 21cm.

**895.92234 H103C/LC.0017731 - LC.0017732;
M.0188794 - M.0188795; MP.0043891**

457. Hai đứa trẻ: Tuyển tập truyện ngắn đặc sắc/ *Thạch Lam*. - H.: Văn học, 2025. - 159tr.; 21cm.

**895.922332 H103Đ/M.0188929 - M.0188930;
MP.0043962 - MP.0043963**

458. Hành trình vì hòa bình: Hồi ức/ *Nguyễn Chí Vịnh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2024. - 376tr.; 24cm.

**895.9228403 H107T/LCV.0003566,
LCV.0003683; M.0188814 - M.0188815; MP.0043901;
VV.0021720, VV.0022475 - VV.0022476**

459. Hậu khoa cử: Nam tính và thẩm mỹ hiện đại ở Việt Nam thời thuộc địa/ Ben Tran; Ng. dịch: *Mai Thị Thu Huyền, Đặng Thị Thái Hà*. - H.: Thế giới, 2025. - 288tr.; 24cm

**895.922090032 H125K/M.0189419 - M.0189420;
VV.0022700 - VV.0022701**

460. Hồ Quý Ly: Tiểu thuyết lịch sử/ *Nguyễn Xuân Khánh*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2023. - 682tr.; 24cm.

**895.92234 H450Q/M.0188349 - M.0188350;
VV.0022332 - VV.0022333**

461. Hồi đó chúng ta là những kẻ ngốc/ Higashino Keigo; Nhật Hạ dịch. - H.: Dân trí, 2025. - 378tr.; 21cm.

**895.636 H452Đ/M.0188555 - M.0188556;
MP.0043796 - MP.0043797**

462. Hồi ức người tình báo/ Trí Lê. - H.: Văn học, 2025. - 430tr.; 21cm.

**895.92234 H452U/M.0188573 - M.0188574;
MP.0043805 - MP.0043806**

463. Khát vọng hòa bình: Tiểu luận - Phê bình văn học/ *Bùi Việt Thắng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 232tr.; 21cm.

895.92209 Kh110V/LC.0017725 - LC.0017726;
M.0188788 - M.0188789; MP.0043888; VN.0087042 -
VN.0087043

464. Không có gì vĩ đại/ Moon Sook; Lê Kiều Trang dịch. - H.:
Dân trí, 2025. - 293tr.; 21cm.

895.78508 Kh455C/M.0188569 - M.0188570;
MP.0043803

465. Lịch sử văn học Việt Nam thời kì 1945 - 1985/ Trịnh Bá
Đĩnh chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 528tr.; 24cm.

895.92209 L302S/M.0188667 - M.0188668;
MP.0043836; VV.0022442 - VV.0022443

466. Lời nguyện bù nhìn rom/ Kotaro Isaka; Ien Dao dịch. - H.:
Nxb. Hà Nội, 2025. - 459tr.; 21cm.

895.636 L462N/M.0188553 - M.0188554;
MP.0043794 - MP.0043795

467. Lục Vân Tiên Truyện: Bản Nôm chép năm 1876 tại Paris/
Nguyễn Đình Chiểu. - H.: Đại học Sư phạm, 2025. - 428tr.; 24cm

895.92212 L506V/M.0189379 - M.0189380;
VV.0022682 - VV.0022683

468. Mặt trời và thép: Về nghệ thuật, hành động, và cái chết nghi
thức/ Mishima Yukio; Tạ Thành Tấn dịch. - H.: Hội nhà văn,
2023. - 131tr.; 21cm.

895.609 M118T/M.0188878 - M.0188879;
MP.0043930

469. Mẫu Thượng ngàn: Tiểu thuyết/ Nguyễn Xuân Khánh. - Tái
bản. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 756tr.; 24cm.

895.92234 M125T/M.0188355 - M.0188356;
MP.0043703

470. Mùi bàng chín/ Ngõng. - H.: Công thương, 2025. - 184tr.; 21cm.

**895.9228403 M510B/M.0189027 - M.0189028;
MP.0043992**

471. Nắng trong vườn: Tuyển tập truyện ngắn đặc sắc/ *Thạch Lam.* - H.: Văn học, 2025. - 163tr.; 21cm.

**895.92232 N116T/M.0188927 - M.0188928;
MP.0043960 - MP.0043961**

472. Nghe phù sa kể chuyện tình châu thổ: Tập bút ký/ *Trương Thị Thương Huyền.* - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 188tr.; 21cm.

**895.9228403 Ngh200P/LC.0018105 -
LC.0018106; M.0188782 - M.0188783; MP.0043885**

473. Nguyễn Nhật Ánh - Người giữ lửa cho văn học thiếu nhi: Tiểu luận - Phê bình/ *Văn Giá chủ biên.* - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2025. - 328tr.; 23cm.

**895.92209 Ng527N/M.0188850 - M.0188851;
VV.0022487 - VV.0022488**

474. Những biểu tượng thời gian: Bút ký/ *Phạm Thị Thu Thủy.* - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 200tr.; 21cm.

**895.9228403 Nh556B/LC.0017729 -
LC.0017730; M.0188790 - M.0188791; MP.0043889**

475. Những kẻ ngược đời/ Higashino Keigo; Ien Dao dịch. - H.: Dân trí, 2025. - 375tr.; 21cm.

**895.636 Nh556K/M.0188547 - M.0188548;
MP.0043788 - MP.0043789**

476. Nước mắt ả phu: Đỗ Lệnh Thiện và Kim Mã ả phu cảm tình lệ tập/ *Phạm Văn Ánh khảo cứu.* - H.: Khoa học xã hội, 2023. - 363tr.; 24cm.

**895.11 N557M/M.0188449 - M.0188450;
MP.0043748; VV.0022382 - VV.0022383**

477. Ông tướng tình báo và hai bà vợ/ Nguyễn Trần Thiết. - Huế: Thuận Hóa, 2025. - 276tr.; 24cm

**895.92234 Ô455T/M.0189433 - M.0189434;
MP.0044141; VV.0022712 - VV.0022713**

478. Rừng lại hồi sinh: Tập truyện ngắn/ Nguyễn Duy Chuông. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 192tr.; 21cm.

**895.92234 R556L/LC.0017715 - LC.0017716;
M.0188802 - M.0188803; MP.0043895**

479. Tay súng bắn tỉa/ Trương Quốc Lập; Losedow dịch. - H.: Văn học, 2025. - 417tr.; 21cm.

**895.136 T112S/M.0188874 - M.0188875;
MP.0043928**

480. Thanh xuân của tôi (còn sống còn chiến đấu)/ Chủ biên: Ngô Tấn Quân, Lê Hồng Liêm, Phạm Thị Nghĩa. - Tái bản có bổ sung. - H.: Hồng đức, 2025. - 435tr.; 23cm.

**895.9228403 Th107X/M.0188402 - M.0188403;
MP.0043734; VV.0022346 - VV.0022347**

481. Thú tội/ Minato Kanae; Trần Quỳnh Anh dịch. - H.: Hội nhà văn, 2025. - 246tr.; 21cm.

**895.636 Th500T/M.0188880 - M.0188881;
MP.0043931**

482. Thượng nguồn: Tập truyện ngắn/ Văn Xương. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 200tr.; 21cm.

**895.92234 Th561N/LC.0017735 - LC.0017736;
M.0188798 - M.0188799; MP.0043893**

483. Tiếng vọng từ rừng khộp/ Nguyễn Vũ Điền. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 284tr.; 21cm.

**895.92234 T306V/M.0188475 - M.0188476;
MP.0043761**

484. Tiếp cận Truyện Kiều từ góc nhìn văn hóa/ Lê Nguyên Cẩn.
- Xuất bản lần thứ 3. - H.: Đại học Sư phạm, 2023. - 372tr.; 24 cm

**895.92212 T307C/M.0189387 - M.0189388;
VV.0022690 - VV.0022691**

485. Trong muôn ánh sao: Tập truyện ngắn/ Tống Phước Bảo. -
H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 196tr.; 21cm.

**895.92234 Tr431M/LC.0017721 - LC.0017722;
M.0188808 - M.0188809; MP.0043898**

**486. Tử thi kể chuyện: Hồi ức 30 năm khám nghiệm tử thi của
bác sĩ pháp y lừng danh Nhật Bản/ Ueno Masahijo; Xuân Sinh
dịch.** - H.: Dân trí, 2024. - 308tr.; 21cm.

**895.6 T550T/M.0188876 - M.0188877;
MP.0043929**

487. Vaccine tình yêu: Tiểu thuyết/ TH. Lê. - H.: Văn học, 2025. -
624tr.; 24cm.

**895.92234 V101T/M.0188993 - M.0188994;
MP.0043978 - MP.0043979**

488. Vẽ nhỏ bôi hề/ Vũ Trọng Phụng. - Huế: Nxb. Thuận Hóa,
2025. - 194tr.; 18cm.

**895.922803 V200N/M.0188925 - M.0188926;
MP.0043958 - MP.0043959**

489. Vũ điệu cuồng phong/ Higashino Keigo; Chi Chi dịch. - H.:
Nxb. Hà Nội, 2025. - 325tr.; 21cm.

**895.636 V500Đ/M.0188870 - M.0188871;
MP.0043927**

490. 3000 ngày trên đất Nhật: Tự truyện/ Nguyễn Quốc Vương. -
In lần thứ 2. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2023. - 386tr.; 24cm.

895.9228403
MP.0043704

B100N/M.0188361 - M.0188362;

900 – LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

491. *The Origins of the Modern World: A Global and Environmental Narrative from the Fifteenth to the Twenty-First Century/ Robert B. Marks.* - Lanham: Rowman Littlefield, 2024. - 309p.; 23cm.

909.23

Th200O/AV.0013509

492. *Thế giới đương đại/ Richard Haass; Hoàng Long dịch.* - In lần thứ 2. - H.: Dân Trí, 2025. - 426tr.; 24cm

909.8

Th250G/M.0189800 - M.0189801;

VV.0022846 - VV.0022847

910 – Địa lý và du hành

493. *Ở lại với ngàn sao: Du ký/ Đỗ Doãn Hoàng.* - H.: Thông tấn, 2019. - 308tr.; 24cm

910.4

O460L/M.0189808 - M.0189809;

MP.0044323

494. *Người Do Thái trong thời kỳ Jesu/ Marcel Simon; Phạm Bích Lệ dịch.* - Huế: Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 199tr.; 21cm.

933.4

Ng558D/M.0188937 - M.0188938;

MP.0043964; VN.0087084 - VN.0087085

940 – Lịch sử châu Âu

495. *Hồi ký Dwight D. Eisenhower/ D. Eisenhower; Mai Yên Thi dịch.* - Huế: Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 716tr.; 24cm.

940.53 H452K/M.0188973 - M.0188974;

VV.0022535 - VV.0022536

947 – Nga và các quốc gia Đông Âu láng giềng

496. *Breaking Point: Russia, Ukraine, and the Future of International Relations/ Michael O. Slobodchikoff.* - Lanham: Rowman Littlefield, 2025. - 191tr.; 24cm.

947.7086 Br200P/AV.0013570

497. *Contemporary Russia/ Edwin Bacon.* - 4th edition. - Switzerland: Palgrave Macmillan, 2024. - 23p.; 292cm.

947.086 C431R/AV.0013529

498. *Developments in Russian Politics/ Henry E. Hale, Juliet Johnson, Tomila V.Lankina.* - London: Bloomsbury Academic, 2024. - 364p.; 24cm.

947.086 D207I/AV.0013525

499. *International Organizations and Post-Soviet Conflicts in Georgia, Moldova, and Ukraine: The Limitations of Imagining Peace and the Failure and Success in Negotiations/ Nina Lutterjohann.* - Lanham: Lexington Books, 2024. - 373p.; cm.

947.086 I-312O/AV.0013503

950 – Lịch sử châu Á

500. Ấn Độ qua các thời đại: Từ nền văn minh Harappa cổ đại tới nền dân chủ nghị viện/ *Judith E. Walsh; Sophia Ngô dịch.* - Biên Hòa: Đồng Nai, 2025. - 427tr.; 24cm.

**954 Â121Đ/M.0189049 - M.0189050; MP.0043997;
VV.0022555 - VV.0022556**

501. *The Middle East: Crises, Conflict, and Wars/ Arda Ozkan, Pinar Yurur.* - Lanham: Lexington Books, 2024. - 523p.; 23cm.

956 Th200M/AV.0013485

959 – Đông Nam Á

502. *Cách mạng Tháng Tám - Một trang sử oanh liệt của Cách mạng Việt Nam/ Trường Chinh.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 200tr.; 19cm.

**959.704 C102M/M.0188715 - M.0188716 -
M.0188717; MP.0043853; VN.0086978 - VN.0086979**

503. *Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam: Khi toàn dân tộc quyết "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"/ Phạm Hồng Tung.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 502tr.; 24cm.

**959.704 C102M/M.0188822 - M.0188823;
MP.0043903; VV.0022483 - VV.0022484**

504. *Certain Victory: How Hanoi Won the War/ Denis Warner.* - Kansas: Subsidiary of University Press Syndicate, 202. - 295p.; 23cm.

959.704 C206V/AV.0013524

505. *Chặt xiềng:* Những tài liệu lịch sử từ chính biên tháng Ba đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945. - Xuất bản lần thứ 6, có chỉnh sửa. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 152tr.; 19cm.

**959.704 Ch118X/M.0188721 - M.0188722 -
M.0188723; MP.0043855; VN.0086982 - VN.0086983**

506. Chiến thắng Plei Me - Tâm vóc, ý nghĩa và bài học lịch sử: Kỷ yếu Hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 968tr.; 24cm.

959.7043 Ch305T/LCV.0003840; VV.0022649, VV.0022771 - VV.0022772

507. Chiến thắng Tây Nguyên 1975 và nửa thế kỷ xây dựng, phát triển Đắk Lắk: Kỷ yếu Hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 904tr.; 24cm.

959.704 Ch305T/LCV.0003846 - LCV.0003847; M.0188816 - M.0188817; VV.0021676 - VV.0021677, VV.0022477 - VV.0022478

508. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Nguyễn Chí Thanh. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 356tr.; 24cm.

959.7040922 Ch500T/LCV.0003688 - LCV.0003689; M.0188810 - M.0188811; MP.0043899; VV.0022471 - VV.0022472

509. Chuyện người nữ Giải phóng quân kéo cò trong Ngày độc lập/ Đàm Thị Loan. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 156tr.; 19cm.

959.704092 Ch527N/M.0188718 - M.0188719 - M.0188720; MP.0043854; VN.0086980 - VN.0086981

510. Đại thắng mùa Xuân 1975 (Tuyển chọn từ tạp chí lịch sử quân sự)/ Đỗ Mạnh Cường chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 1000tr.; 27cm.

959.7043 Đ103T/M.0188818 - M.0188819; VV.0022479 - VV.0022480

511. Đường Trường Sơn - Hồ Chí Minh: Một sáng tạo độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam/ Đông Sỹ Nguyên. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 600tr.; 21cm.

**959.7043 Đ561T/LC.0017105 - LC.0017106 -
LC.0017107**

**512. *Hài ngoại kỷ sự/ Thích Đại Sán; Phan Đăng dịch và chú
giải.*** - H.: Thế giới, 2025. - 464tr.; 24cm.

**959.70272 H103N/M.0188625 - M.0188626;
VV.0022416 - VV.0022417**

**513. *Hồi ức Điện Biên Phủ - Những nhân chứng lên tiếng/
Pierre Journoud, Hugues Tertrais; Ng. dịch: Phạm Ngọc Hiệp,
Trần Văn Kiên....*** - Xuất bản lần thứ 1. - H.: Đại học Sư phạm,
2024. - 436 tr.; 24 cm. - (Sách kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện
Biên Phủ)

**959.7041 H452U/M.0189381 - M.0189382;
MP.0044126 - MP.0044127; VV.0022684 - VV.0022685**

**514. *Kết thúc một cuộc chiến ở Đông Dương năm 1954/ Jean
Lacouture, Philippe Devillers; Phạm Bích Lệ dịch.*** - Huế: Thuận
Hóa, 2025. - 335tr.; 24cm.

**959.704 K258T/M.0188623 - M.0188624;
MP.0043823; VV.0022412 - VV.0022413**

**515. *Khám phá văn hóa Việt Nam - Từ tiếp cận lịch sử đến tầm
nhìn thời đại/ Phạm Hồng Tung.*** - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật,
2025. - 416tr.; 24cm.

**959.7 Kh104P/M.0188820 - M.0188821;
MP.0043902; VV.0022481 - VV.0022482**

**516. *Khmer Đổ tấn công tàu Mayaguez/ Roy Rowan; Phạm Bích
Lệ dịch.*** - Huế: Thuận Hóa, 2025. - 234tr.; 24 cm

**959.6042 Khm206Đ/M.0189435 - M.0189436;
MP.0044142; VV.0022714 - VV.0022715**

**517. *Mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước phương Tây/
Ralph Smith; Hồng Nhung dịch.*** - Huế: Thuận Hóa, 2025. - 238tr.;
24cm.

**959.7 M452Q/M.0188613 - M.0188614;
VV.0022406 - VV.0022407**

**518. *Nam Phương - Hoàng hậu cuối cùng của Việt Nam/ François Joyaux; Quế Sơn dịch.* - Xuất bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 421tr.; 23cm
959.703092 N104P/M.0189423 - M.0189424;
MP.0044137; VV.0022704 - VV.0022705**

**519. *Người đứng đầu Thăng long - Hà Nội trong lịch sử/ Bùi Xuân Đính.* - H.: Khoa học xã hội, 2024. - 634tr.; 24cm.
959.731 Ng558Đ/M.0188341 - M.0188342;
VV.0022330 - VV.0022331**

**520. *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa (1847 - 1885)/ Yoshiharu Tsuboi; Nguyễn Đình Đầu dịch.* - Tái bản. - H.: Tri thức, 2024. - 417tr.; 21cm.
959.703 N557Đ/M.0188872 - M.0188873;
VN.0087060 - VN.0087061**

**521. *Quân và dân đồng lòng Bắc Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954)/ Lê Tuấn Đạt.* - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 208tr.; 21cm.
959.7041 Qu121V/LC.0017823 - LC.0017824**

**522. *Sài Gòn xưa/ Nguyễn Hạnh chủ biên.* - H.: Hồng đức, 2021. - 110tr.; 19cm.
959.77 S103G/M.0188919 - M.0188920;
MP.0043955 - MP.0043956**

**523. *Theo dấu chân Người: Truyện ký/ Trình Quang Phú.* - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 588tr.; 23cm.
959.704092 Th205D/M.0188060, M.0188824 -
M.0188825; MP.0043904; VV.0022485 - VV.0022486**

524. *Theo dấu hoàng hậu Nam Phương và Vua Bảo đại/ Vĩnh*

Đào, Nguyễn Thị Thanh Thúy. - In lần 2 có chỉnh sửa bổ sung. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 463tr.; 24cm.

**959.703092 Th205D/M.0188439 - M.0188440;
MP.0043744; VV.0022372 - VV.0022373**

525. Thủy nông Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945: Sách chuyên khảo/ *Bùi Thị Hà chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 486tr.; 24cm.

**959.703 Th522N/M.0188653 - M.0188654;
MP.0043829; VV.0022428 - VV.0022429**

526. Trần Văn Giàu - Dấu ấn trăm năm/ Phan Văn Hoàng chủ biên. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2025. - 438tr.; 23cm.

**959.704092 Tr121V/M.0188854 - M.0188855;
VV.0022491 - VV.0022492**

527. Từ đội quân tóc dài tới phong trào Đồng khởi - Mãi mãi tự hào đáng đứng Bến Tre/ Ánh Dương biên soạn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2025. - 181tr.; 21cm.

**959.70922 T550Đ/M.0188923 - M.0188924;
MP.0043957; VN.0087078 - VN.0087079**

528. Từ Kinh thành Vijaya đến kinh đô vương triều Tây Sơn/ Lê Đình Phụng. - Huế: Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 327tr.; 24cm.

**959.7 T550K/M.0188975 - M.0188976;
MP.0043972; VV.0022537 - VV.0022538**

529. Từ một lời dặn của Bác/ Nguyễn Thế Khoa. - H.: Sân khấu, 2025. - 594tr.; 24cm

**959.70099 T550M/M.0189812 - M.0189813;
VV.0022848 - VV.0022849**

530. Vietnam at war: The history 1946-1975/ Phillip B. Davidson. - Novato: Presidio, 1988. - 838p.; 23cm.

959.704 V302A/AV 6437; AV.0013523

531. Việt Nam - Lịch sử không biên giới/ Chủ biên: Trần Tuyết Nhung, Anthony Reid; Ng. dịch: Hoàng Anh Tuấn, Trương Huyền Chi... - Tái bản lần 1, có chỉnh sửa. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 480tr.; 24cm

**959.7 V308N/M.0189425 - M.0189426;
MP.0044138; VV.0022706 - VV.0022707**

532. Xứ Đoài Đường Lâm, Sơn Tây: Chuyện đất, chuyện người/
Hà Nguyên Huyền. - H.: Hội nhà văn, 2024. - 275tr.; 23cm.

**959.731 X550Đ/M.0188443 - M.0188444;
MP.0043745; VV.0022376 - VV.0022377**

533. 60 năm Chiến thắng Bình Giã - Giá trị lịch sử và bài học kinh nghiệm: Kỷ yếu Hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2024. - 760tr.; 24cm.

**959.7043 S111M/LCV.0004067 - LCV.0004068;
M.0188410 - M.0188411; VV.0022348 - VV.0022349**

970 – Lịch sử Bắc Mỹ

534. Một cuộc đời dang dở: John F. Kennedy 1917 - 1963/*Robert Dallek; Nguyễn Sỹ Hưng dịch.* - H.: Dân Trí, 2023. - 582tr.; 25cm

**973.922092 M458C/M.0189806 - M.0189807;
MP.0044322**

535. Thành phố điện: Giải mã lịch sử về miền đất không tưởng của Ford và Edison/*Thomas Hager; Ng. dịch: Serena Trang, Kim Anh.* - H.: Dân Trí, 2022. - 347tr.; 24cm

**976.1 Th107P/M.0189804 - M.0189805;
MP.0044321**

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

01. Bối cảnh mới trên biển Đông đến năm 2030 và hàm ý cho Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Hải Yến chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 288tr.; 24cm.

**327.17 B452C/M.0188669 - M.0188670;
MP.0043837; VV.0022444 - VV.0022445**

Biển Đông là điểm kết nối của nhiều tuyến đường hàng hải và hàng không huyết mạch, là nơi đan xen lợi ích của nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Hòa bình và ổn định ở Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp đến hòa bình và ổn định của khu vực và thế giới. Những vấn đề xung đột, căng thẳng leo thang trong tranh chấp ở Biển Đông những năm qua diễn ra ngày càng phức tạp, khó lường, trở thành mối quan tâm chung của nhiều quốc gia trong và ngoài khu vực. Bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, bối cảnh Biển Đông được định hình bởi sự quốc tế hóa mạnh mẽ, Biển Đông đã trở thành nơi va chạm giữa hai đại chiến lược của hai cường quốc hàng đầu Hoa Kỳ và Trung Quốc.

Trên cơ sở phân tích cách tiếp cận hiện thực - Lý thuyết xung đột và cách tiếp cận tự do - Lý thuyết hợp tác phát triển, cuốn sách chỉ ra các yếu tố chung chi phối các chủ thể trong quá trình hoạch định chính sách Biển Đông tới năm 2030. Đó là các yếu tố địa chính trị, địa kinh tế, địa sinh thái, từ đó nhận định chiến lược Biển Đông của các bên can dự chủ yếu sẽ là tiếp nối có điều chỉnh các chiến lược trong giai đoạn trước. Bên cạnh đó, cuốn sách cũng đề cập một cách có hệ thống đến các xu hướng về cạnh tranh và xung đột đối với khu vực biển Đông đến 2030, đồng thời chỉ ra xu hướng hợp tác về kinh tế, an ninh trong thời gian tới trên vùng biển này.

Đối với Việt Nam. *Thứ nhất*, nghiên cứu khẳng định rằng đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để chứng minh chủ quyền của mình đối với Hoàng Sa và Trường Sa cũng như các quyền của mình đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trên biển. *Thứ hai*, phản đối việc sử dụng vũ lực và theo đuổi một giải pháp hòa bình lâu dài cho tranh chấp phù hợp với luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS. *Thứ ba*, trong khi chờ đợi một giải pháp như

vậy, Việt Nam luôn tích cực làm việc với các bên khác để quản lý tranh chấp và giữ gìn ổn định khu vực.

Nói chung, Biển Đông đang trở thành một đấu trường cho cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, đặt ra cho các quốc gia yêu sách những thách thức và cơ hội. Trong khi tranh chấp có nguy cơ dẫn đến xung đột vũ trang, những nguy cơ liên quan đến cuộc cạnh tranh quyền lực lớn này có thể thúc đẩy các quốc gia yêu sách hướng tới việc thúc đẩy hợp tác và giảm căng thẳng. Nghiên cứu nhận định, các giải pháp dài hạn nên bắt đầu bằng những sáng kiến có quy mô nhỏ, ít nhạy cảm và trong các lĩnh vực cụ thể

02. Mặt trái của AI: Nghệ thuật nguy trang bằng ngôn từ/ Justin Hutchens; Trần Hữu Hải dịch. - H.: Khoa học công nghệ truyền thông, 2025. - 351tr.; 24cm.

006.3

M118T/M.0188979 - M.0188980;

MP.0043974; VV.0022541 - VV.0022542

Mặt trái của AI: Nghệ thuật nguy trang bằng ngôn từ là một tác phẩm mang tính cảnh báo nhưng không bi quan. Cuốn sách giúp người đọc hiểu rõ hơn về sức mạnh cũng như những hạn chế của trí tuệ nhân tạo, từ đó biết cách khai thác hiệu quả công nghệ mới mà vẫn giữ được tư duy tỉnh táo và trách nhiệm trước thông tin.

Nội dung sách tập trung làm rõ cơ chế hoạt động của AI tạo sinh, cách các mô hình ngôn ngữ học từ lượng dữ liệu khổng lồ để dự đoán và tạo ra văn bản giống con người. Tuy nhiên, AI không thực sự “hiểu” thông tin như con người mà chỉ dựa trên xác suất ngôn ngữ. Chính vì vậy, AI có thể tạo ra những câu trả lời rất tự tin nhưng lại sai lệch, hiện tượng thường được gọi là “ảo giác AI”. Tác giả cũng đi sâu phân tích AI, đặc biệt là các hệ thống có năng lực ngôn ngữ và xã hội, có thể bị "vũ khí hóa" để khai thác điểm yếu tâm lý con người, thực hiện các hành vi thao túng, giả mạo, tấn công qua nhiều phương thức, từ tương tác văn bản, giọng nói, hình ảnh cho tới môi trường số phức tạp. Với cấu trúc chương mục chặt chẽ, cuốn sách là bức tranh toàn diện về lịch sử hình

thành, cơ chế vận hành, rủi ro tiềm ẩn và tương lai phát triển của các mô hình trí tuệ nhân tạo có khả năng can thiệp vào hành vi con người.

03. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chỉnh huấn cán bộ, định hướng vận dụng trong giai đoạn cách mạng mới: Sách chuyên khảo/Trần Quốc Cường chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 220tr.; 21cm.

335.4346

T550T/LC.0018048 - LC.0018049

Trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, công tác cán bộ luôn được xác định là “then chốt của then chốt”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ cả về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực công tác và phong cách lãnh đạo. Cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về chỉnh huấn cán bộ, định hướng vận dụng trong giai đoạn cách mạng mới* là một công trình nghiên cứu có giá trị lý luận và thực tiễn, góp phần làm sáng tỏ tư tưởng của Người về chỉnh huấn cán bộ, đồng thời đề xuất những giải pháp vận dụng trong bối cảnh hiện nay.

Nội dung cuốn sách tập trung làm rõ cơ sở hình thành, nội dung cốt lõi và giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về chỉnh huấn cán bộ; đồng thời, phân tích những định hướng và phương thức vận dụng sáng tạo trong công tác cán bộ của Đảng, Nhà nước và Quân đội hiện nay. Trên nền tảng hệ thống hóa các nguồn tư liệu, cùng với việc nghiên cứu, kế thừa kết quả nghiên cứu chuyên sâu của nhiều học giả, cuốn sách tập trung luận giải các vấn đề trọng tâm: cơ sở lý luận, thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về chỉnh huấn cán bộ, trong đó làm rõ mục tiêu, phương pháp và yêu cầu rèn luyện của người cán bộ cách mạng; phân tích giá trị, ý nghĩa của tư tưởng chỉnh huấn cán bộ đối với việc xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức; qua đó, khẳng định vai trò của công tác chỉnh huấn cán bộ như một quy luật phát triển nội sinh của Đảng ta; đề xuất định hướng và giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác giáo dục, bồi dưỡng, kiểm tra và xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên hiện nay.

Với cách trình bày khoa học, lập luận chặt chẽ và gắn lý luận với thực tiễn, cuốn sách là tài liệu tham khảo hữu ích đối với cán bộ, đảng viên, học viên các trường chính trị, cơ quan nghiên cứu cũng như những người quan tâm đến tư tưởng Hồ Chí Minh và công tác xây dựng Đảng.

Có thể khẳng định rằng, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính huấn cán bộ, định hướng vận dụng trong giai đoạn cách mạng mới* không chỉ góp phần làm sâu sắc hơn nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn cung cấp những luận cứ quan trọng phục vụ công tác xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đây là cuốn sách có ý nghĩa thiết thực trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ mới.

04. Việt Nam - Lịch sử không biên giới/ Chủ biên: Trần Tuyết Nhung, Anthony Reid; Ng. dịch: Hoàng Anh Tuấn, Trương Huyền Chi... - Tái bản lần 1, có chỉnh sửa. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 480tr.; 24cm

**959.7 V308N/M.0189425 - M.0189426;
MP.0044138; VV.0022706 - VV.0022707**

Việt Nam - Lịch sử không biên giới là công trình nghiên cứu lịch sử có giá trị, do các học giả trong và ngoài nước biên soạn, góp phần mang đến cách tiếp cận mới về lịch sử Việt Nam trong bối cảnh khu vực và thế giới. Cuốn sách được Nhà xuất bản Khoa học xã hội tái bản năm 2025, gồm 480 trang, tập hợp nhiều bài nghiên cứu chuyên sâu về quá trình hình thành, phát triển và hội nhập của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

Khác với cách tiếp cận lịch sử truyền thống thường tập trung trong phạm vi lãnh thổ quốc gia, cuốn sách đặt Việt Nam trong mối quan hệ giao lưu, tiếp xúc và tương tác với các nền văn minh, các quốc gia trong khu vực Đông Á, Đông Nam Á và thế giới. Qua đó, tác phẩm cho thấy lịch sử Việt Nam không phải là một tiến trình khép kín mà luôn gắn liền với các dòng chảy kinh tế, văn hóa, chính trị và thương mại quốc tế.

Nội dung sách đề cập nhiều vấn đề quan trọng như quá trình giao thương trên biển, sự giao lưu văn hóa giữa Việt Nam với Trung Hoa, Ấn Độ và phương Tây; vai trò của các cộng đồng cư dân, thương nhân nước ngoài trong sự phát triển của đất nước; cũng như những tác động của các biến động khu vực và toàn cầu đối với lịch sử Việt Nam. Các tác giả đã vận dụng nhiều nguồn tư liệu phong phú, từ sử liệu truyền thống đến các nghiên cứu khảo cổ học, nhân học và lịch sử quốc tế, giúp người đọc có cái nhìn đa chiều, khách quan và khoa học.

Điểm nổi bật của cuốn sách là cách tiếp cận liên ngành và xuyên quốc gia, góp phần mở rộng nhận thức về vị trí, vai trò của Việt Nam trong lịch sử khu vực và thế giới. Tác phẩm không chỉ bổ sung những góc nhìn mới cho giới nghiên cứu mà còn giúp độc giả hiểu rõ hơn về quá trình hội nhập, tiếp biến văn hóa và khẳng định bản sắc dân tộc của Việt Nam qua hàng nghìn năm lịch sử.

05. Chuyện người nữ Giải phóng quân kéo cờ trong Ngày độc lập/ Đàm Thị Loan. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 156tr.; 19cm.

959.704092 Ch527N/M.0188718 - M.0188719 - M.0188720; MP.0043854; VN.0086980 - VN.0086981

Bà Đàm Thị Loan (1926 - 2010), thiếu nữ người dân tộc Tày, là một trong ba đội viên nữ tham gia Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập ở Cao Bằng ngày 22/12/1944. Nữ chiến sĩ Giải phóng quân Đàm Thị Loan là một trong hai người vinh dự tham gia thượng cờ tại Quảng trường Ba Đình lịch sử trong ngày 02/9/1945. Sau này, bà trở thành sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam và là vợ của Đại tướng Hoàng Văn Thái.

Chuyện người nữ Giải phóng quân kéo cờ trong Ngày Độc lập là cuốn hồi ký giàu giá trị lịch sử và nhân văn của nữ chiến sĩ cách mạng Đàm Thị Loan – người vinh dự tham gia lễ thượng cờ tại Quảng trường Ba Đình trong ngày Quốc khánh 2/9/1945.

Tác phẩm được biên soạn dựa trên hồi ký *Từ Việt Bắc đến Tây Ninh* của bà Đàm Thị Loan, kể lại cuộc đời hoạt động cách mạng đầy gian khổ nhưng cũng rất vẻ vang của một người phụ nữ

dân tộc Tày. Từ những ngày đầu tham gia phong trào cách mạng ở Cao Bằng, trở thành một trong ba nữ đội viên của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân – tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam – đến thời khắc thiêng liêng được kéo lá cờ đỏ sao vàng trong ngày Độc lập, mỗi trang sách đều thấm đượm tình yêu nước, lòng trung thành với Đảng và tinh thần cống hiến cho dân tộc. Bằng giọng văn chân thực, mộc mạc và giàu cảm xúc, tác giả tái hiện sinh động những năm tháng đấu tranh cách mạng, những kỷ niệm sâu sắc với đồng chí, đồng đội và những chặng đường tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ. Hình ảnh người nữ chiến sĩ Đàm Thị Loan hiện lên không chỉ với lòng dũng cảm, ý chí kiên cường mà còn với những phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

06. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam: Khi toàn dân tộc quyết "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta" / Phạm Hồng Tung. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025. - 502tr.; 24cm.

959.704

C102M/M.0188822 - M.0188823;

MP.0043903; VV.0022483 - VV.0022484

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam: Khi toàn dân tộc quyết 'đem sức ta mà tự giải phóng cho ta' là công trình nghiên cứu chuyên sâu của Giáo sư Phạm Hồng Tung, do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phát hành năm 2025. Với dung lượng 502 trang, cuốn sách cung cấp cái nhìn toàn diện, hệ thống và khoa học về một trong những sự kiện trọng đại nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam thế kỷ XX – thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tác phẩm tập trung phân tích bối cảnh lịch sử trong nước và quốc tế dẫn tới cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám. Từ những biến động của Chiến tranh thế giới thứ hai, sự suy yếu của chủ nghĩa thực dân, phát xít đến những chuyển biến trong phong trào cách mạng Việt Nam, tác giả đã làm rõ quá trình chuẩn bị lâu dài, công phu của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thời cơ giành chính quyền. Qua đó, cuốn sách khẳng định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám không phải là kết quả ngẫu

nhiên mà là thành quả của sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo cùng quá trình đấu tranh bền bỉ của toàn dân tộc. Điểm nổi bật của tác phẩm là việc làm sáng tỏ tư tưởng “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” – một tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ và ý chí tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam. Tác giả chứng minh rằng thắng lợi của cuộc cách mạng bắt nguồn từ sự phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, sự kết hợp giữa lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, giữa đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa đất nước bước sang một kỷ nguyên mới.

Bên cạnh việc tái hiện diễn biến của cuộc Tổng khởi nghĩa trên phạm vi cả nước, cuốn sách còn phân tích sâu sắc những bài học lịch sử có giá trị lâu dài về nghệ thuật nắm bắt thời cơ, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của nhân dân và vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng. Những bài học đó vẫn giữ nguyên ý nghĩa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

07. Khát vọng hòa bình: Tiểu luận - Phê bình văn học/ Bùi Việt Thắng. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 232tr.; 21cm.

895.92209

Kh110V/LC.0017725 - LC.0017726;

M.0188788 - M.0188789; MP.0043888; VN.0087042 -

VN.0087043

Khát vọng hòa bình: Tiểu luận - Phê bình văn học là công trình nghiên cứu, phê bình văn học có giá trị của nhà lý luận, phê bình văn học Bùi Việt Thắng, được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân phát hành năm 2025. Với 232 trang, cuốn sách tập hợp nhiều bài tiểu luận và phê bình đặc sắc, tập trung làm rõ hình tượng con người, chiến tranh và đặc biệt là khát vọng hòa bình trong văn học Việt Nam hiện đại.

Từ góc nhìn của một nhà nghiên cứu giàu kinh nghiệm, tác giả đã phân tích sâu sắc những tác phẩm văn học tiêu biểu viết về chiến tranh cách mạng, người lính và cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Qua đó, cuốn sách khẳng định rằng dù phản ánh hiện thực

chiến tranh khốc liệt, văn học Việt Nam luôn hướng tới những giá trị nhân văn cao đẹp, đề cao tình yêu con người, tình yêu quê hương đất nước và khát vọng hòa bình bền vững. Một trong những điểm nổi bật của tác phẩm là cách tiếp cận hài hòa giữa nghiên cứu học thuật và cảm thụ văn chương. Các bài viết không chỉ đánh giá giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm mà còn gợi mở nhiều suy ngẫm về ý nghĩa của hòa bình đối với mỗi cá nhân và dân tộc. Qua những trang viết giàu cảm xúc và chiều sâu lý luận, người đọc có thể cảm nhận rõ hơn những mất mát, hy sinh của các thế hệ đi trước, từ đó càng trân trọng cuộc sống hòa bình hôm nay.

Với lối viết chặt chẽ, giàu sức thuyết phục và giàu tính nhân văn, *Khát vọng hòa bình* là tài liệu tham khảo hữu ích đối với cán bộ nghiên cứu, giảng viên, sinh viên chuyên ngành văn học cũng như đông đảo bạn đọc yêu thích văn chương và lịch sử dân tộc. Tác phẩm góp phần làm sáng tỏ vai trò của văn học trong việc gìn giữ ký ức lịch sử, bồi đắp tâm hồn con người và lan tỏa những giá trị tốt đẹp của hòa bình.

08. Hành trình vì hòa bình: Hồi ức/ Nguyễn Chí Vịnh. - H.: Quân đội nhân dân, 2024. - 376tr.; 24cm.

**895.9228403 H107T/LCV.0003566,
LCV.0003683; M.0188814 - M.0188815; MP.0043901;
VV.0021720, VV.0022475 - VV.0022476**

Hành trình vì hòa bình là cuốn hồi ức đặc biệt của Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh, được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân phát hành năm 2024. Với 376 trang, tác phẩm không chỉ ghi lại chặng đường hình thành và phát triển của lực lượng gìn giữ hòa bình Việt Nam mà còn phản ánh tầm nhìn chiến lược của Đảng, Nhà nước và Quân đội nhân dân Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng.

Xuất phát từ những trải nghiệm thực tiễn và sự gắn bó trực tiếp với quá trình triển khai chủ trương tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc, tác giả đã tái hiện sinh động những

bước đi đầu tiên đầy khó khăn, thách thức của Việt Nam trên hành trình thực hiện một nhiệm vụ quốc tế mới mẻ nhưng hết sức ý nghĩa. Qua từng trang sách, người đọc có thể cảm nhận được những nỗ lực bền bỉ của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, chiến sĩ trong quá trình chuẩn bị lực lượng, đào tạo nhân sự, xây dựng năng lực và từng bước khẳng định vị thế của Việt Nam trong các phái bộ gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc.

Một trong những giá trị nổi bật của cuốn sách là việc khắc họa chân thực hình ảnh những người lính “mũ nồi xanh” Việt Nam đang thực hiện nhiệm vụ tại các điểm nóng trên thế giới. Dù phải đối mặt với nhiều khó khăn về điều kiện sống, môi trường làm việc và những nguy cơ mất an toàn, họ vẫn thể hiện bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần trách nhiệm và phẩm chất cao đẹp của Bộ đội Cụ Hồ, góp phần lan tỏa hình ảnh một Việt Nam yêu chuộng hòa bình, trách nhiệm và nhân văn trong cộng đồng quốc tế. Bên cạnh những câu chuyện thực tế giàu cảm xúc, tác phẩm còn giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn về đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển của Việt Nam. Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh đã chia sẻ nhiều góc nhìn về tư duy chiến lược, các quyết sách quan trọng của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, đối ngoại quốc phòng và hội nhập quốc tế. Qua đó, cuốn sách làm rõ ý nghĩa của việc tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình không chỉ là trách nhiệm quốc tế mà còn góp phần nâng cao vị thế, uy tín của đất nước, đồng thời phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

09. Quân và dân đồng bằng Bắc Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954)/ Lê Tuấn Đạt. - H.: Quân đội nhân dân, 2025. - 208tr.; 21cm.

959.7041

Qu121V/LC.0017823 - LC.0017824

Cuốn sách *Quân và dân đồng bằng Bắc Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954)* của tác giả Lê Tuấn Đạt là một công trình nghiên cứu lịch sử có giá trị, góp phần tái hiện sinh động cuộc kháng chiến trường kỳ của quân và dân vùng đồng bằng Bắc Bộ trong chín năm chống thực dân Pháp xâm lược.

Nội dung sách gồm nhiều bài viết phản ánh quá trình chiến đấu, xây dựng lực lượng và phát huy sức mạnh chiến tranh nhân dân của các địa phương đồng bằng Bắc Bộ trong giai đoạn 1946 - 1954.

Thông qua các tư liệu lịch sử và những phân tích sâu sắc, tác giả làm nổi bật vai trò của đồng bằng Bắc Bộ – một địa bàn chiến lược quan trọng, vừa là hậu phương trực tiếp, vừa là chiến trường ác liệt trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuốn sách phản ánh tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, sự đoàn kết quân dân và những đóng góp to lớn của nhân dân các tỉnh đồng bằng trong việc bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh phong trào du kích và phối hợp với các chiến trường trên cả nước. Nội dung cũng gắn liền với bối cảnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng năm 1954.

Một điểm nổi bật của cuốn sách là việc khắc họa rõ nét mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa quân đội và nhân dân. Từ những làng kháng chiến, căn cứ du kích đến các phong trào bảo đảm hậu cần, nuôi giấu cán bộ, bảo vệ cơ sở cách mạng, tất cả đã tạo nên sức mạnh tổng hợp góp phần làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Qua đó, người đọc hiểu sâu sắc hơn về nghệ thuật chiến tranh nhân dân và truyền thống đoàn kết quân dân – một nhân tố quyết định trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam. Không chỉ có giá trị về mặt lịch sử, cuốn sách còn mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với thế hệ hôm nay. Những bài học về lòng yêu nước, tinh thần tự lực tự cường, ý chí vượt qua khó khăn và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vẫn còn nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

10. Quan hệ dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, chính trị ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Văn Minh chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2025. - 760tr.; 24cm.

305.8009597 Qu105H/M.0188671 - M.0188672; VV.0022446 - VV.0022447

Trong bối cảnh phát triển đất nước gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giữ vững ổn định chính trị - xã hội, cuốn sách *Quan hệ dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, chính trị ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay* là một công trình nghiên cứu có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Với dung lượng 760 trang, cuốn sách cung cấp cái nhìn toàn diện về thực trạng, xu hướng và những vấn đề đặt ra đối với quan hệ dân tộc ở khu vực biên giới phía Bắc nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Nội dung cuốn sách được xây dựng trên sở nghiên cứu công phu, hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về quan hệ dân tộc, đồng thời khái quát đặc điểm quan hệ dân tộc ở Việt Nam. Từ đó, các tác giả tập trung phân tích thực trạng quan hệ dân tộc tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, nơi có nhiều dân tộc cùng sinh sống, có sự giao lưu văn hóa, kinh tế và quan hệ thân tộc xuyên biên giới từ lâu đời.

Một trong những điểm nổi bật của cuốn sách là làm rõ tác động của quan hệ dân tộc đối với phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ bảo đảm an ninh, chính trị ở khu vực biên giới. Thông qua các số liệu, dẫn chứng và khảo sát thực tế, nhóm tác giả cho thấy việc xây dựng và củng cố mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc không chỉ góp phần nâng cao đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế vùng biên mà còn là nhân tố quan trọng trong việc giữ vững chủ quyền lãnh thổ, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cuốn sách cũng chỉ ra những khó khăn, thách thức đang đặt ra như sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, tác động của toàn cầu hóa, các vấn đề liên quan đến di cư, giao lưu dân cư xuyên biên giới, sự lợi

dụng vấn đề dân tộc của các thế lực thù địch và những biến động mới trong đời sống kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả dự báo xu hướng phát triển quan hệ dân tộc đến năm 2030 và phân tích các yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến sự ổn định, phát triển của khu vực biên giới trong thời gian tới.

MỤC LỤC

	<i>Lời giới thiệu</i>	3
PHẦN I	DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI	4
000 -	Khoa học máy tính, thông tin và tác phẩm tổng quát	4
100 -	Triết học và tâm lý học	6
200 -	Tôn giáo	11
300 -	Khoa học xã hội	13
350 -	Hành chính công và khoa học quân sự	54
600 -	Công nghệ	85
700 -	Nghệ thuật và giải trí	89
800 -	Văn học	90
900 -	Lịch sử và địa lý	101
PHẦN II	ĐIỂM SÁCH	111
1.	Bối cảnh mới trên biên Đông đến năm 2030 và hàm ý cho Việt Nam	111
2.	Mặt trái của AI: Nghệ thuật nguy trang bằng ngôn từ	112
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về chỉnh huấn cán bộ, định hướng vận dụng trong giai đoạn cách mạng mới	113
4.	Việt Nam - Lịch sử không biên giới	115
5.	Chuyện người nữ Giải phóng quân kéo cò trong Ngày độc lập	116
6.	Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam: Khi toàn dân tộc quyết "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"	117
7.	Khát vọng hòa bình	119
8.	Hành trình vì hòa bình	120
9.	Quân và dân đồng bằng Bắc Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954)	121
10.	Quan hệ dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, chính trị ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay	123